

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Địa chỉ: Km17 Quốc lộ 6, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: (024) 3353 2213/3353 5228

Website: [www.ptshatay.petrokimex.com.vn](http://www.ptshatay.petrokimex.com.vn)



**2019**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

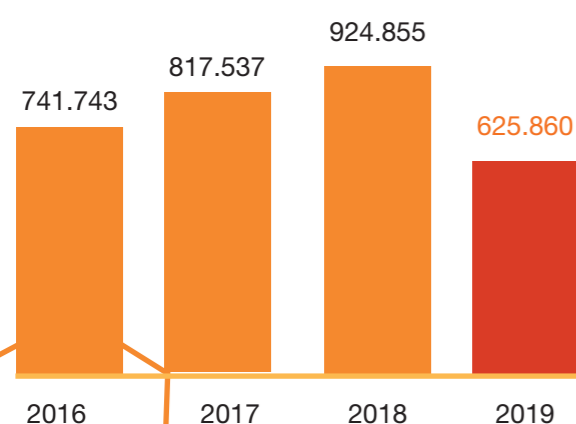
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	So sánh (%)
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Doanh thu thuần	924.855	625.860	67,7%
Lợi nhuận gộp	54.407	56.621	104%
Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	5.358	5.342	99,7%
Lợi nhuận khác	55.654	475.766	854,9%
Lợi nhuận trước thuế	5.414	5.818	107,5%
Lợi nhuận sau thuế	4.293	4.627	107,8%
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Tài sản	116.407	124.194	106,7%
Nợ phải trả	78.700	73.017	92,8%
Vốn chủ sở hữu	37.706	51.295	136%
<b>Chỉ tiêu khả năng sinh lời</b>			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (ROS)	0,46	0,74	160,9%
Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	11,4	9	78,9%
Hệ số LNST/Vốn Chủ sở hữu (ROE)	3,7	3,7	100%
Hệ số LN từ HĐ KD/Doanh thu thuần	0,58	0,85	146,5%

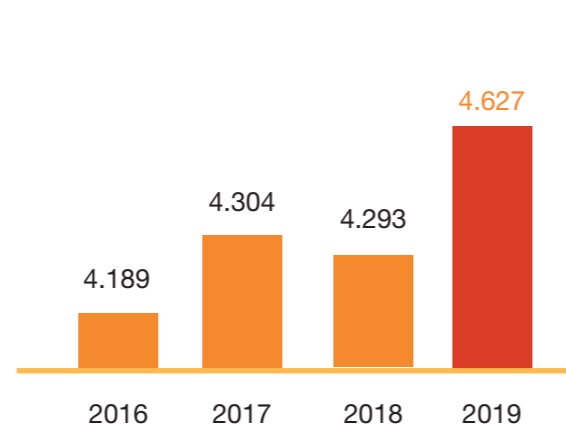
Tăng trưởng doanh thu 2016-2019

(Đơn vị tính: triệu đồng)



Lợi nhuận sau thuế 2016-2019

(Đơn vị tính: triệu đồng)



## THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Nền kinh tế thế giới năm 2019 được dự báo sẽ có nhiều biến động, tuy nhiên Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối ổn định với những dấu hiệu tích cực. Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Đồng thời, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra và đây cũng là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm trở lại đây.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 11,29%) và các ngành dịch vụ thị trường (ngành vận tải, kho bãi tăng 9,12%; bán buôn và bán lẻ tăng 8,82%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%).

Từ bối cảnh chung của nền kinh tế như vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty năm qua cũng gặp nhiều yếu tố không thuận lợi. Tuy nhiên, với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, năm 2019 Công ty đã có những kết quả đáng ghi nhận: Doanh thu vận tải năm 2019 đạt 104 tỷ đồng bằng 106% so với năm 2018; kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được tương đối toàn diện, chỉ tiêu lợi nhuận hoàn thành 100% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

Tuy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều trở ngại, nhưng với sự đoàn kết và nỗ lực cao, Hội đồng quản trị đã triển khai tích cực, triển khai đầy đủ, kịp thời và có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và có được những kết quả hết sức khả quan, tạo được những tiền đề thuận lợi cho năm 2020 và những năm tiếp theo.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin trân trọng cảm ơn Lãnh đạo, các phòng ban Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex đã quan tâm và tạo điều kiện giúp đỡ Công ty; đồng thời cũng xin được gửi lời tri ân các Quý vị Cổ đông, các đối tác, khách hàng đã tin tưởng và ủng hộ Công ty trong những năm qua. Chúng tôi cam kết với trách nhiệm và khả năng của mình sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của Công ty!

Xin chân thành cảm ơn!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

**LÊ TỰ CƯỜNG**

# 01

<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>08</b>
Thông tin khái quát của Công ty	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	16
Giới thiệu Ban Lãnh đạo	18
Vị thế	24
Định hướng phát triển	26
Rủi ro	28

# 02

<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019</b>	<b>32</b>
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	34
Cơ cấu và chính sách nhân sự	36
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn	39
Tình hình tài chính	39
Cơ cấu cổ đông, thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu	43

# 03

<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>44</b>
Tổng quan về môi trường kinh doanh 2019	46
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	47
Tình hình tài chính năm 2019	48
Đánh giá thành tựu, tiến bộ Công ty năm 2019	50
Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020	52

# 04

<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>56</b>
Đánh giá chung về tình hình kinh tế, ngành 2019	58
Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty	60
Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc	64
Phương hướng năm 2020	65

# 05

<b>BÁO CÁO QUẢN TRỊ</b>	<b>66</b>
Hoạt động của Hội đồng quản trị	68
Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát	70
Giao dịch, thù lao của HĐQT, BGD và BKS	72
Về việc thực hiện các hoạt động quản trị Công ty	73

# 06

<b>BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2019</b>	<b>74</b>
Các chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường	76
Các chính sách liên quan đến người lao động	78
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019</b>	<b>82</b>



## THÔNG TIN CHUNG

- \* Thông tin khái quát
- \* Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- \* Mô hình quản trị
- \* Giới thiệu Ban Lãnh đạo
- \* Vị thế
- \* Định hướng phát triển
- \* Rủi ro

# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty **Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ  
Petrolimex Hà Tây**

Tên viết tắt PTS HA TAY

Tên tiếng Anh Petrolimex HaTay Transportation and  
Service Joint Stock Company

Biểu tượng của Công ty



Trụ sở Km17 Quốc lộ 6, Phường Đồng Mai,  
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Điện thoại (024) 3353 2213/3353 5228

Fax (024) 3353 1214

Website [www.ptshatay.petrolimex.com.vn](http://www.ptshatay.petrolimex.com.vn)

Mã cổ phiếu PTH

Sàn giao dịch UpCom

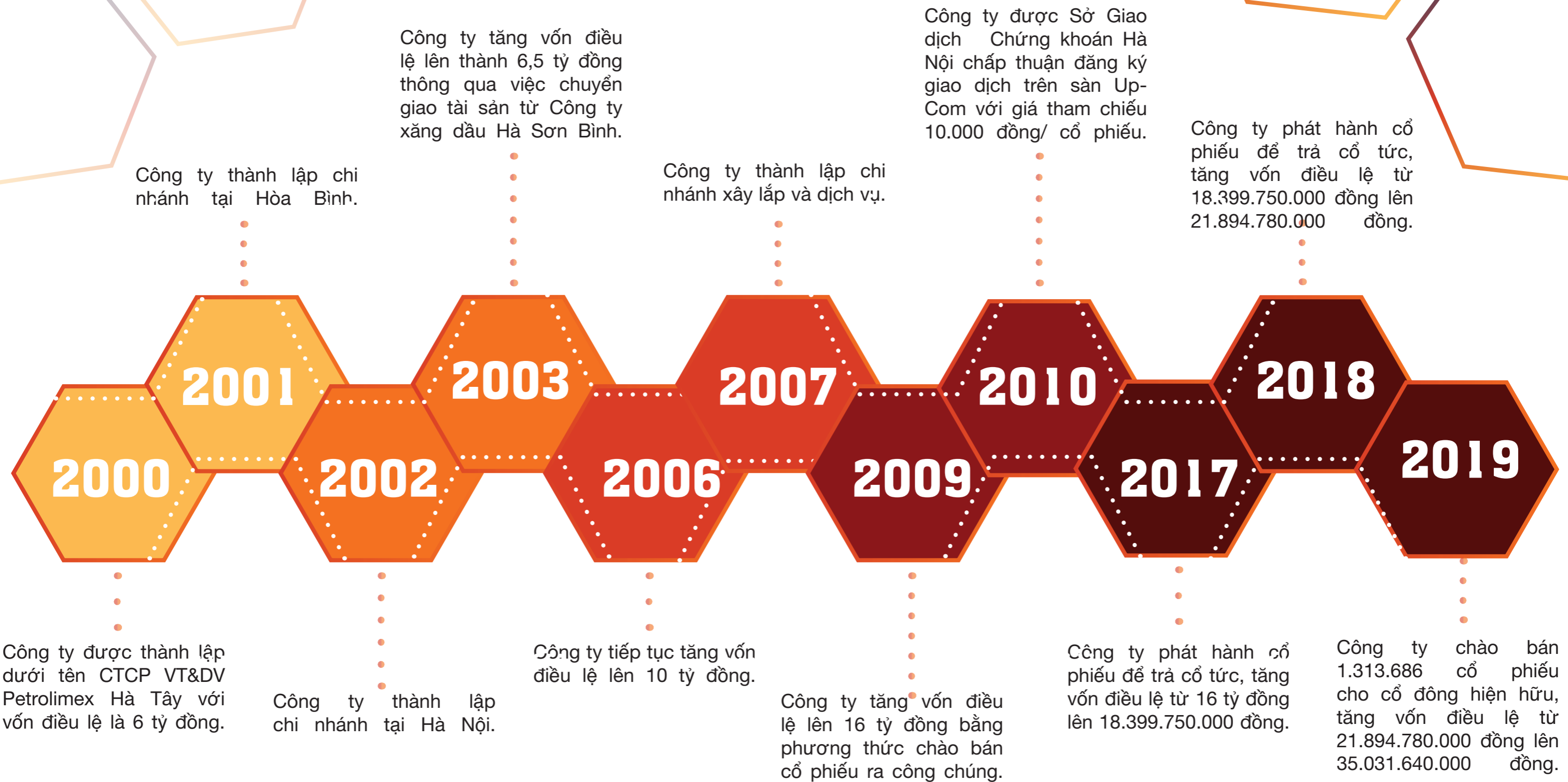
Giấy chứng nhận đăng ký  
hoạt động Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500387891

Vốn điều lệ 35.031.640.000 đồng

Số lượng cổ phiếu lưu  
hành 3.503.164 cổ phần

Người đại diện Ông Lê Tự Cường

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



# NGÀNH NGHỀ KINH DOANH ĐỊA BÀN KINH DOANH

## *Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh và vận tải xăng dầu*

- Tổng đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và các hàng hóa khác (Nhiên liệu xăng, nhiên liệu diesel (DO), Nhiên liệu đốt lò (FO), Dầu mỡ nhờn, Hàng hóa khác)
- Kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện vận tải, vật tư, thiết bị, phụ tùng ô tô, vật tư thiết bị chuyên dùng xăng dầu
- Vận chuyển xăng dầu cho các đơn vị thành viên của Petrolimex Việt Nam tại địa bàn Hà Nội (chủ yếu Hà Tây cũ), Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình.
- Hỗ trợ vận chuyển cho các Công ty Xăng dầu Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang, Thái Bình,...
- Vận chuyển xăng dầu phục vụ nhu cầu vận chuyển cho nội bộ công ty

## *Ngành nghề kinh doanh khác*

Ngoài 02 hoạt động chính trên, Công ty còn triển khai kinh doanh xây lắp, dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng cột bơm, vật tư phụ tùng nhằm đáp ứng nhu cầu nội bộ và có sức cạnh tranh để vươn xa thị trường ngoài xã hội đặc biệt là các công ty xăng dầu trong và ngoài ngành.

- Kinh doanh xây lắp và sửa chữa: Công ty thực hiện xây lắp, sửa chữa chủ yếu là các công trình xăng dầu đáp ứng cho nội bộ Công ty và các công ty xăng dầu trong và ngoài ngành.

- Kinh doanh các sản phẩm khác: Ngoài những sản phẩm chính trên, PTS Hà Tây còn kinh doanh một số sản phẩm dịch vụ khác như kinh doanh sửa chữa ô tô, dịch vụ cho thuê sân bãi đỗ xe,...

## *Địa bàn kinh doanh*

Chủ yếu là các tỉnh, thành phố Hà Nội (địa bàn tỉnh Hà Tây cũ), Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình và tái xuất sang Lào.



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



## **Đại hội đồng cổ đông:**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn sau đây:

- Thông qua Điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Các quyền hạn khác do Điều lệ Công ty quy định.

## **Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

## **Ban kiểm soát:**

Do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

## **Ban giám đốc Công ty:** Ban Giám đốc bao gồm 1 Giám đốc và 4 Phó giám đốc

- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Phó giám đốc là người giúp việc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc nhiệm vụ được phân công; thực hiện các công việc thay Giám đốc khi được ủy quyền. Quyết định các công việc theo ủy quyền của Giám đốc và trong phạm vi quyền hạn.

**Các phòng chức năng:** Thực hiện tham mưu và quản lý chuyên môn.

**Các chi nhánh, văn phòng:** Thực hiện nhiệm vụ kinh doanh theo những lĩnh vực thuộc ngành nghề đã đăng ký kinh doanh của Công ty.



# GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO



**Ông Lê Tự Cường**  
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh	15/10/1969
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
SL Cổ phần nắm giữ	59.643 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,70% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- 05/1992 – 12/1993:	Nhân viên nghiệp vụ Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/1994 – 12/1995:	Chuyên viên kinh doanh Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/1996 – 09/1996:	Phụ trách phòng KD XN XD K133 – CTXD Hà Sơn Bình
- 10/1996 – 09/1999:	Trưởng phòng KD XN XD K133 – CTXD Hà Sơn Bình
- 10/1999 – 09/2000:	Trưởng phòng KD – XN VT&DV – CTXD Hà Sơn Bình
- 10/2000 – 12/2006:	Ủy viên HĐQT – Trưởng phòng KD PTS Hà Tây
- 01/2007 – 04/2012:	Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc PTS Hà Tây
- 04/2012 – 09/2015:	Ủy viên HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây
- 10/2015 – 04/2016:	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây
- 04/2016 – 03/03/2018:	Ủy viên HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây
- 03/03/2018 – nay:	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây



**Ông Nguyễn Từ Bình**  
Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Năm sinh	07/01/1971
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
SL Cổ phần nắm giữ	94.147 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,69% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- 01/1995 – 12/1995:	Nhân viên DMN – Gas Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/1996 – 12/1999:	Chuyên viên Phòng KD CTXD Hà Sơn Bình
- 01/2000 – 11/2000:	Chuyên viên Phòng KD CTCP VT&DV PTS Hà Tây
- 12/2000 – 12/2006:	Đội trưởng Vận tải CTCP VT&DV PTS Hà Tây
- 04/2003:	Ủy viên BKS CTCP VT&DV PTS Hà Tây
- 01/2007 – 12/2010:	Ủy viên BKS, Trưởng phòng KD CTCP PTS Hà Tây
- 01/2011 - nay:	Ủy viên HĐQT - PGĐ CTCP VT&DV PTS Hà Tây



**Ông Vũ Quang Tuấn**  
Ủy viên HĐQT

Năm sinh	01/10/1969
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Kế toán; Cử nhân Chính trị; Cử nhân Luật; Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Thương Mại
SL Cổ phần nắm giữ	114.202 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,25% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- 1992 - 1996:	Chuyên viên Kế toán, Kho XD K133 – CTXD Hà Sơn Bình
- 1996 - 1997:	Phó trưởng phòng Kế toán, K133 – CTXD Hà Sơn Bình
- 1997 - 1999:	Trưởng phòng KT-TC, K133 – CTXD Hà Sơn Bình
- 10/2000:	Trưởng Ban Kiểm soát. Công ty PTS Hà Tây
- 2000 - 2005:	Phó phòng KTTC, Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 2006 - 2011:	Trưởng phòng KTTC, Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 2012 - 2013:	Trưởng phòng TH Ban Tài chính kế toán Tập đoàn XD VN
- 04/2013 – 30/06/2014:	Kiểm soát viên các công ty, CT khu vực 2, TNB, Nghệ An,..
- 2014 - 2015:	Phó giám đốc CTXD Hà Sơn Bình, GD Xăng dầu Sơn La
- 2016 – 03/03/2018:	Chủ tịch CTXD Hà Sơn Bình kiêm CT HĐQT PTS Hà Tây
- 03/03/2018 - nay:	Chủ tịch CTXD Hà Sơn Bình kiêm ỦV HĐQT PTS Hà Tây



**Ông Nguyễn Tiến Cường**  
Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Năm sinh	03/05/1973
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
SL Cổ phần nắm giữ	80.232 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,29% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- 09/1997 – 05/2000:	Nhân viên bán xăng dầu Công ty XD Hà Sơn Bình
- 06/2000 – 03/2003:	Đội phó Vận tải CTCP Vận tải và Dịch vụ PTS Hà Tây
- 04/2003 – 07/2004:	ỦV HĐQT – PGĐ CTCP PTS Hà Tây tại Hòa Bình
- 08/2004 – 12/2010:	ỦV HĐQT – GD CTCP PTS Hà Tây tại Hòa Bình
- 01/2011 – 05/2013:	ỦV HĐQT – PGĐ CTCP PTS Hà Tây kiêm GD chi nhánh CTCP PTS Hà Tây tại Hòa Bình
- 06/2013 - nay:	ỦV HĐQT – PGĐ CTCP PTS Hà Tây





**Ông Bùi Trung Định**  
Ủy viên HĐQT

Năm sinh	30/08/1975
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
SL Cổ phần nắm giữ	173.523 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,95% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- 06/2001 – 03/2003:	Nhân viên Đội vận tải – Công ty PTS Hà Tây
- 04/2003 – 12/2006:	Đội phó Đội vận tải – Công ty PTS Hà Tây
- 01/2007 – 12/2010:	Đội trưởng Đội vận tải – Công ty PTS Hà Tây
- 01/2011 – 03/2011:	Trưởng phòng kinh doanh – Công ty PTS Hà Tây
- 03/2011 – 2017:	Thành viên BKS Công ty PTS Hà Tây
- 04/2017 – nay:	Thành viên HĐQT Công ty PTS Hà Tây



**Bà Dương Tú Oanh**  
Phó Giám đốc

Năm sinh	15/10/1969
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
SL Cổ phần nắm giữ	61.329 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,75% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- 05/1992 – 12/1993:	Nhân viên nghiệp vụ Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/1994 – 12/1995:	Chuyên viên kinh doanh Công ty XD Hà Sơn Bình
- 01/1996 – 09/1996:	Phụ trách phòng KD XN K133, CTXD Hà Sơn Bình
- 10/1996 – 09/1999:	Trưởng phòng KD XN XD K133 – CTXD Hà Sơn Bình
- 10/1999 – 09/2000:	Trưởng phòng KD – XN VT&DV- CTXD Hà Sơn Bình
- 10/2000 – 12/2006:	Ủy viên HĐQT – Trưởng phòng KD PTS Hà Tây
- 01/2007 – 04/2012:	Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc PTS Hà Tây
- 04/2012 – 09/2015:	Ủy viên HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây
- 10/2015 – 04/2016:	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây
- 04/2016 – 03/03/2018:	Ủy viên HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây
- 03/03/2018 – nay:	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây



**Ông Bùi Văn Thường**  
Phó Giám đốc

Năm sinh	20/12/1961
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí nông nghiệp
SL Cổ phần nắm giữ	21.885 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,6% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- 05/1987 – 09/1992:	CV cơ khí, trạm máy kéo Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa
- 10/1992 – 12/1999:	Chuyên viên Phòng QL Kỹ thuật, CTXD Hà Sơn Bình
- 07/2000 – 09/2000:	Chuyên viên KT, Xí nghiệp VT&DV, CTXD Hà Sơn Bình
- 10/2000:	ỦV BKS – CV phòng KD – KT, CTCP PTS Hà Tây
- 11/2000 – 04/2002:	ỦV BKS – Phó phòng QLKT, CTCP PTS Hà Tây
- 05/2002 – 11/2013:	ỦV BKS – Trưởng phòng QLKT, CTCP PTS Hà Tây
- 12/2013 – nay:	PGĐ, CTCP Vận tải & Dịch vụ PTS Hà Tây



**Ông Chu Đức Hậu**  
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	20/10/1963
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
SL Cổ phần nắm giữ	1.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- 04/1990 – 01/1995:	Chuyên viên kế toán-Xí nghiệp dầu lửa Đồ Xá
- 02/1995 – 03/1995:	Phó trưởng phòng kế toán Chi nhánh dầu lửa Đồ Xá
- 04/1995 – 12/1995:	Phó trưởng phòng KT-TC CTXD Hà Sơn Bình
- 01/1996 – 07/1996:	Trưởng phòng KT-TC XN K133, CTXD Hà Sơn Bình
- 07/1996 – 12/2005:	Phó trưởng phòng kKT-TC – CTXD Hà Sơn Bình
- 01/2006 – 05/2006:	Phó phòng Quản lý kỹ thuật - CTXD Hà Sơn Bình
- 06/2006 – 03/2016:	Kế toán trưởng CTCP Vận tải và Dịch vụ PTS Hà Tây
- 03/2016 – nay:	Trưởng BKS CTCP Vận tải và Dịch vụ PTS Hà Tây



**Ông Ngô Ngọc Vĩnh**  
Ủy viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	13/10/1969
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
SL Cổ phần nắm giữ	7.443 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01/1987 – 03/1993: Công nhân xí nghiệp in – Tổng cục hậu cần</li> <li>- 04/1993 – 07/1993: Bảo vệ - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình</li> <li>- 08/1993 – 06/1994: Đi học nghiệp vụ – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình</li> <li>- 07/1994 – 04/1996: Công nhân xăng dầu - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình</li> <li>- 05/1996 – 07/1996: Nhân viên bảo vệ – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình</li> <li>- 08/1996 – 12/1999: Lái xe con - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình</li> <li>- 01/2000 – 11/2002: Lái xe con - Công ty PTS Hà Tây</li> <li>- 12/2000 – 12/2004: Chuyên viên Phòng tổ chức hành chính – PTS Hà Tây</li> <li>- 01/2005 – 12/2006: Phó Phòng tổ chức hành chính – Công ty PTS Hà Tây</li> <li>- 01/2007 – nay: Trưởng Phòng Tổ chức HC, Ủy viên BKS – PTS Hà Tây</li> </ul>



**Bà Ngô Thị Vui**  
Kế toán trưởng

Năm sinh	03/11/1973
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
SL Cổ phần nắm giữ	15.326 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,43% vốn điều lệ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01/1994 – 12/1999: Nhân viên thống kê kế toán, Công ty XD Hà Sơn Bình</li> <li>- 01/2000 – 09/2000: Nhân viên KTTC, Xí nghiệp VậtT&amp;DV CTXD Hà Sơn Bình</li> <li>- 10/2000 – 03/2007: Chuyên viên phòng KTTC, CTCP VT&amp;DV PTS Hà Tây</li> <li>- 04/2007 – 04/2016: Phó phòng kế toán tài chính, CTCP VT&amp;DV PTS Hà Tây</li> <li>- 05/2016 - nay: Kế toán trưởng, CTCP VT&amp;DV PTS Hà Tây</li> </ul>



**Bà Trần Thị Nhung**  
Ủy viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	22/06/1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán Thương mại
SL Cổ phần nắm giữ	5.910 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,16% vốn điều lệ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2011: NV nghiệp vụ CHXD 29 Tể Tiêu, CTXD Hà Sơn Bình</li> <li>- 2003: CV phòng KD – CTCP Vận tải và Dịch vụ PTS Hà Tây</li> <li>- 07/2015 – 2017: Phó trưởng phòng kinh doanh – Công ty PTS Hà Tây</li> <li>- 2017 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - CTCP PTS Hà Tây</li> </ul>



## Tổng quan

Năm 2019, với đội xe vận tải tương đương với năng lực vận tải gần 60.000.000.000 m<sup>3</sup>km, PTS Hà Tây là một đơn vị vận tải xăng dầu đường bộ lớn của Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam. Công ty chiếm thị phần lớn trong lĩnh vực vận tải xăng dầu tại khu vực Hà Tây cũ, Hòa Bình, Sơn là và một số vùng lân cận.

Điểm mạnh của PTS Hà Tây là năng lực vận tải lớn, hiện đại, chuyên nghiệp, cơ cấu phương tiện đa dạng đáp ứng nhu cầu vận chuyển mọi nơi về khối lượng, chất lượng phục vụ và tiến độ.

Công ty đã áp dụng cơ chế khoán chi phí để giảm giá thành vận tải, khai thác tối đa năng lực vận tải của phương tiện, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên so với một số Công ty tư nhân ngoài ngành PTS Hà Tây còn phải cạnh tranh về giá thành vận tải.

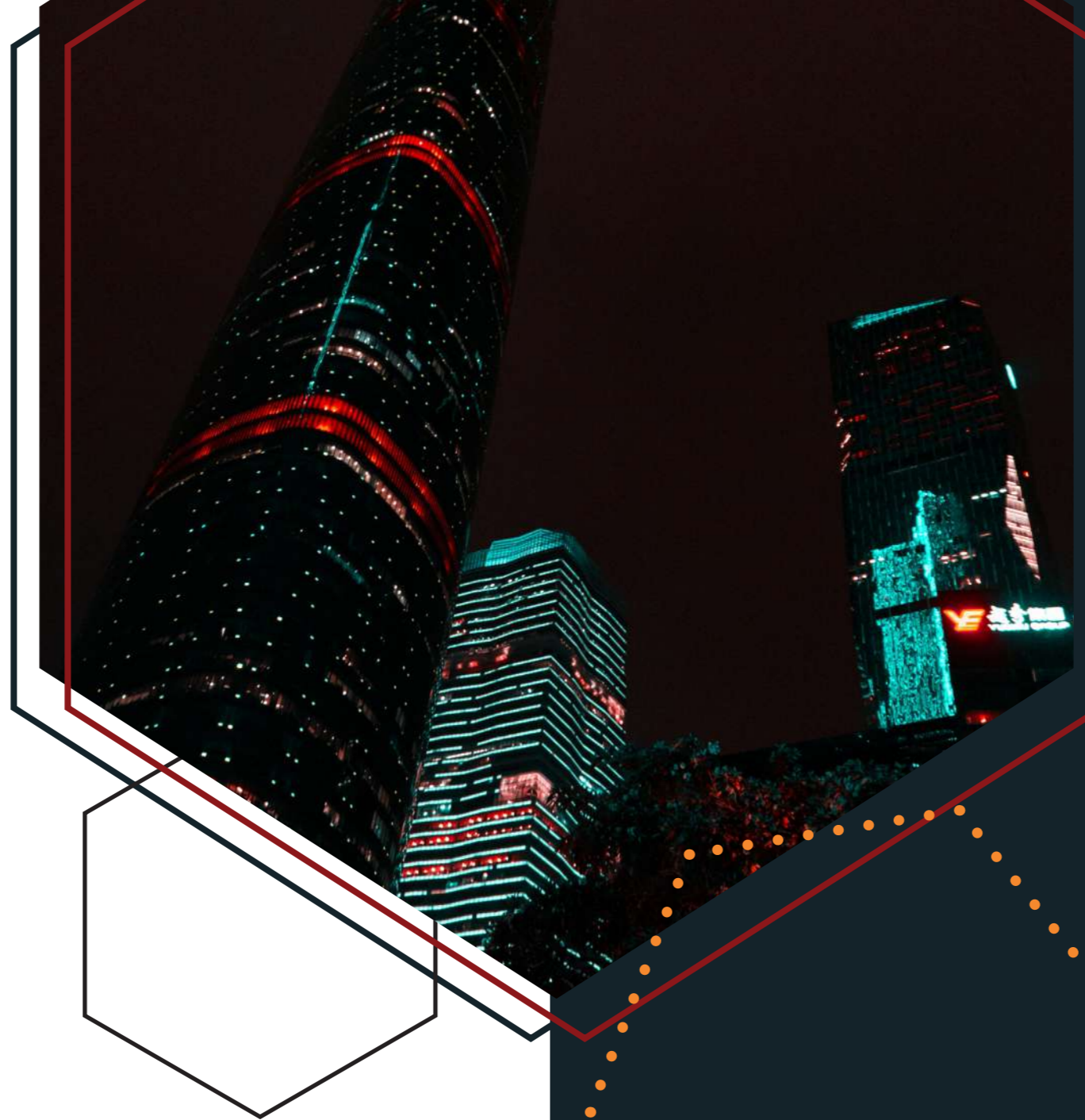
## Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty đối với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Với mục tiêu luôn xác định kinh doanh vận tải xăng dầu là lĩnh vực kinh doanh chính tạo nguồn thu và lợi nhuận cho Công ty, PTS Hà Tây:

- Tiếp tục áp dụng cơ chế khoán chi phí kinh doanh vận tải để khai thác tối đa năng lực vận tải của từng đầu phương tiện đồng thời hạ thấp giá thành vận tải tạo lợi nhuận cao cho Công ty.

- Tiếp tục mở rộng hệ thống các kênh phân phối xăng dầu, phát triển mạng lưới các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Củng cố và phát triển các loại hình kinh doanh xây lắp, dịch vụ sửa chữa ô tô, kinh doanh phụ tùng,...



## Triển vọng phát triển ngành

Cùng với tốc độ phát triển của nền kinh tế đất nước, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu luôn tăng trưởng mạnh mẽ. Dự báo trong các năm tiếp theo sản lượng xăng dầu xuất bán của Petro-limex tăng trưởng từ 5-10%/năm. Tập đoàn xăng dầu Việt Nam vẫn là đầu mối nhập xăng dầu lớn nhất cả nước, năm 2017 là 48% và năm 2018 gần 50% thị phần xăng dầu trên toàn quốc.

Đối với PTS Hà Tây, tốc độ tăng trưởng về sản lượng vận tải đạt xấp xỉ 10%/năm. Dự báo những năm tiếp theo nhu cầu vận tải xăng dầu tiếp tục tăng ít nhất là 10%/năm. Địa bàn hoạt động kinh doanh vận tải của PTS Hà Tây chủ yếu là các tỉnh miền núi phía Bắc.

Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trên đại bàn truyền thống của Công ty sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ bởi lẽ các tỉnh miền núi phía Bắc nằm trong chiến lược phát triển quốc gia về cơ sở hạ tầng như Thủy điện Sơn La, hệ thống giao thông xuyên Á và xuyên quốc gia vì vậy nhu cầu vận tải xăng dầu trên địa bàn cũng tăng trưởng theo.

Do đặc thù về tiêu thụ xăng dầu theo mùa: Vào mùa khô trong năm (các tháng 1,2,3,9,10,11 và 12) là giai đoạn nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tăng cao kéo theo nhu cầu về vận tải xăng dầu cũng tăng cao. Các tháng còn lại vào mùa mưa, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu giảm nên nhu cầu về vận tải cũng giảm. Chính vì điều này mà Công ty luôn luôn phải chuẩn bị tốt và phù hợp năng lực vận tải để đáp ứng nhu cầu vận tải tăng cao trong từng thời điểm.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Đầu tư để phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu; Đầu tư để nâng cao chất lượng phương tiện vận tải, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vận chuyển xăng dầu cho các đơn vị trong ngành và nhu cầu của xã hội với phong cách phục vụ văn minh, chuyên nghiệp, đảm bảo số lượng và chất lượng, khẳng định uy tín và thương hiệu Petrolimex.

### PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

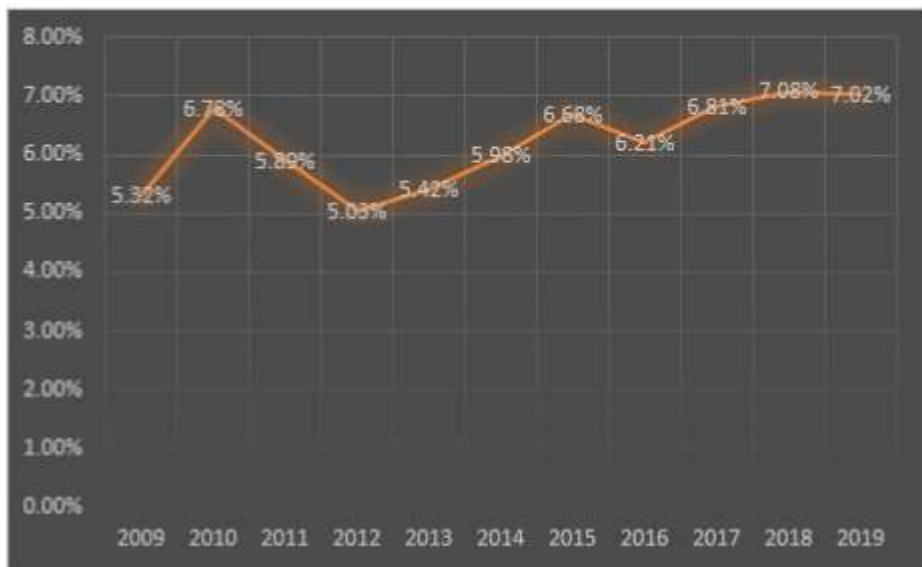
- Phát triển bền vững trên hai lĩnh vực kinh doanh chính là Vận tải xăng dầu và kinh doanh xăng dầu; Mở rộng thị trường vận tải trong nước và ra nước ngoài; - Đầu tư, sửa chữa nâng cấp phương tiện vận tải và cửa hàng xăng dầu để tăng khả năng cạnh tranh;
- Không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị tối đa cho các cổ đông của Công ty; Quan tâm phát triển lợi ích cộng đồng và xã hội.

### TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tiếp tục giữ vững và ổn định thị phần vận tải trên địa bàn truyền thống của Công ty, đảm bảo tăng trưởng về vận tải từ 5 đến 10% mỗi năm. Tăng cường phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu, sửa chữa nâng cấp cửa hàng xăng dầu nâng cao tỷ trọng hiệu quả kinh doanh xăng dầu trong tổng lợi nhuận của Công ty.
- Tiếp tục củng cố và phát triển các loại hình kinh doanh vật tư phụ tùng, dịch vụ sửa chữa ô tô. Mở rộng và phát triển mạnh loại hình kinh doanh tổng hợp theo định hướng của Petrolimex: Bảo hiểm, Gas, nước giặt, sơn, ... và các loại hình kinh doanh thương mại và dịch vụ khác.

# CÁC RỦI RO

## Rủi ro kinh tế



Tăng trưởng GDP Việt Nam trong vòng 10 năm (2009-2019)

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của nền kinh tế thế giới tiếp tục được dự báo sẽ có sự giảm sút. Bên cạnh đó, Việt Nam dễ bị ảnh hưởng bởi các tác động bên ngoài trong bối cảnh các căng thẳng thương mại và chính trị trên thế giới đang có dấu hiệu leo thang. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự đoán sẽ tăng tốc trong năm tới cũng như giới chuyên gia kinh tế cho rằng, về mặt lý thuyết, những thỏa thuận cuối năm 2019 có thể là “cú hích” tạo đà tăng trưởng. Nhưng triển vọng này vô cùng bất ổn bởi tính chất “khó lường” trong cuộc cạnh tranh thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới và khó tránh khỏi những diễn biến địa-chính trị phức tạp hay sự bất ổn về chính sách.

Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế thế giới trong năm 2019 công bố hồi tháng 10/2019, IMF đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2019 và năm 2020 lần lượt xuống còn 3% và 3,4%. Triển vọng kinh tế toàn cầu được dự đoán sẽ đi theo xu hướng không chắc chắn do các vấn đề kinh tế và

chính trị. Ngay cả khi tăng trưởng kinh tế được khôi phục vào năm 2020, những rạn nứt hiện nay có thể kéo theo chuỗi cung ứng bị gián đoạn, các khu vực thương mại trì trệ.

Tuy vậy, châu Á vẫn là khu vực tăng trưởng nhanh nhất thế giới (5%), chiếm hơn 2/3 tăng trưởng toàn cầu trong năm 2019 và kinh tế Việt Nam lại được các tổ chức quốc tế đánh giá là lạc quan hơn so với thế giới. Như nhận định của Ngân hàng Thế giới, mây đen phủ lên toàn cầu, nhưng mặt trời vẫn đang tỏa sáng trên bầu trời Việt Nam.

Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối ổn định với những dấu hiệu tích cực. Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu đề ra từ 6,6%-6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011.

## 7,02%- GDP 2019

## Rủi ro tài chính

Năm 2019, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay cơ bản ổn định; hoạt động kinh doanh bảo hiểm phát triển an toàn và bền vững, bảo đảm khả năng chi trả bồi thường và quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm; thị trường chứng khoán huy động vốn cho nền kinh tế với tổng mức vốn đạt 313,9 nghìn tỷ đồng, tăng 12,6% so với năm trước.

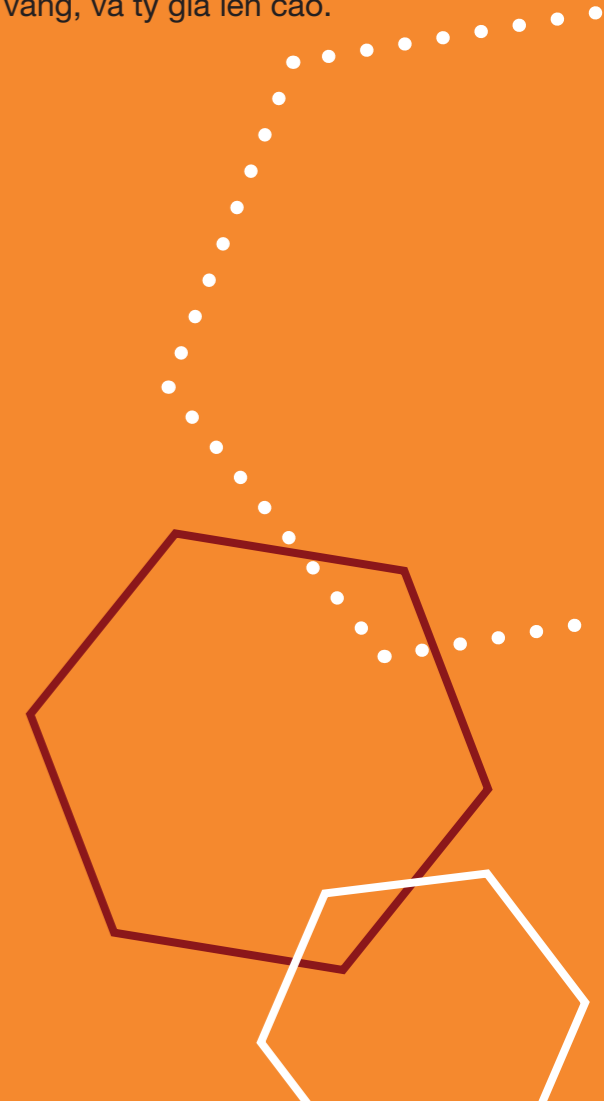
Tính đến ngày 20/12/2019, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,1% so với cuối năm 2018 (cùng kỳ năm 2018 tăng 11,3%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,5% (cùng kỳ năm 2018 tăng 11,5%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế tăng 12,1% (cùng kỳ năm 2018 tăng 13,3%). Năm 2019, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các văn bản điều chỉnh giảm lãi suất có hiệu lực từ ngày 19/11/2019. Theo đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam đối với nhu

cầu vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm từ 6,5%/năm xuống 6%/năm. Nhiều ngân hàng thương mại đã đồng loạt công bố giảm lãi suất cho vay góp phần hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh.

2019 là một năm có biến động nhiều về lãi suất. Nếu trong 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế tiếp tục tăng, dẫn đến nhu cầu vốn cao có thể dẫn đến sự biến động của lãi suất. Tuy nhiên với việc tác động từ quy định giảm tỉ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn sẽ là không lớn, kèm theo tỷ lệ lạm phát dự báo không có biến động mạnh cũng sẽ hỗ trợ sự ổn định của lãi suất. Tuy nhiên với việc căng thẳng quốc tế giữa Mỹ và Iran có thể đẩy giá dầu, giá vàng, và tỷ giá lên cao.

## Rủi ro ngành xăng dầu

Hoạt động vận tải xăng dầu, vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; mua, bán xăng dầu và các loại sản phẩm hóa dầu, vật tư thiết bị chuyên dùng, hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, gỗ, hàng lâm đặc sản... là hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế cao và có thị trường tiềm năng rất lớn vì nhu cầu về vận tải và nhiên liệu là rất lớn. Với đặc điểm doanh thu kinh doanh xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty, nên sự biến động giá xăng dầu có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra, các chính sách quản lý của Nhà nước cho hoạt động này vẫn chưa tạo ra một cơ chế thị trường thật sự minh bạch, do vậy Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) nói chung và Công ty nói riêng vẫn bị phụ thuộc vào các chính sách của cơ quan quản lý Nhà nước.



## Rủi ro công nghệ

Nhu cầu về nhiên vật liệu ngày càng tăng, về mặt quản lý về độ an toàn vận chuyển và lưu trữ cũng được thắt chặt. Trước tình hình như vậy, ngành Xăng dầu cũng cần có giải pháp về các yếu tố chất lượng dịch vụ, đầu tư công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật để đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

## Rủi ro lãi suất

Do đặc thù kinh doanh xăng dầu giá trị hợp đồng lớn, thường xuyên phát sinh nhu cầu tín dụng ngắn hạn, vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của công ty.

## Rủi ro pháp luật

Là công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và văn bản liên quan.

Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là những quy định, thủ tục liên quan đến cấp phép đầu tư vào các dự án mà Công ty tham gia. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp công ty hạn chế được những rủi ro này.

## Rủi ro môi trường

Mặt hàng xăng dầu là mặt hàng dễ gây cháy nổ và có thể gây thiệt hại lớn đối với các công ty kinh doanh xăng dầu nếu có sơ suất xảy ra trong quá trình bảo quản, vận chuyển, lưu thông. Bên cạnh đó, trong bối cảnh vấn đề biến đổi khí hậu được quan tâm hàng đầu, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường như chính sách về phát thải nhà kính CO<sub>2</sub>,... là điều rất cần thiết.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: Rủi ro thiên tai (hạn hán, bão lũ,...) làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.





## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019**

- \* Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019
- \* Cơ cấu và chính sách nhân sự
- \* Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn
- \* Tình hình tài chính
- \* Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

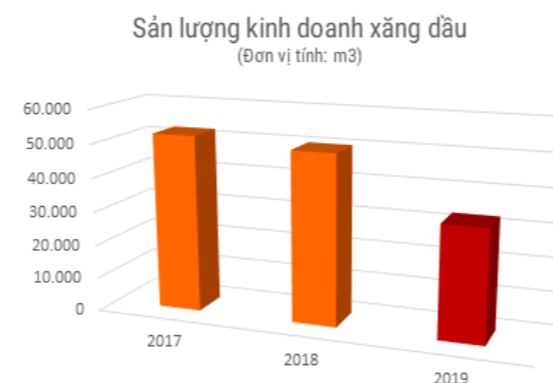
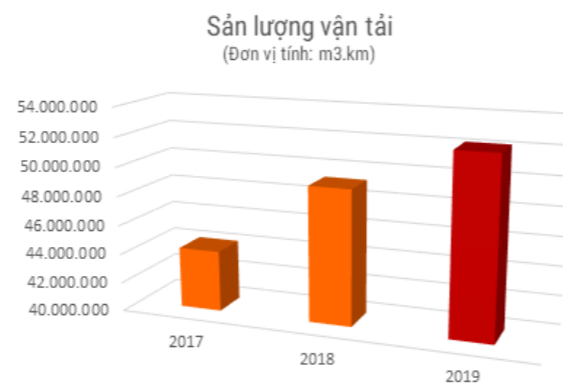


# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	TH 2018	TH 2019	TH 2019/ TH 2018
1	Sản lượng thực hiện					
	Sản lượng vận tải	m3km	44.178.910	49.257.000	52.222.347	106,0%
	Sản lượng kinh doanh xăng dầu	m3	52.398	50.247	33.074	65,8%
2	Cơ cấu doanh thu	Tr.đ				
	Doanh thu bán hàng hóa	Tr.đ	817.537	924.855	625.860	67,7%
	Doanh thu bán xăng dầu	Tr.đ	722.045	812.704	513.856	63,2%
	Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	Tr.đ	5.640	6.302	5.268	83,6%
	Doanh thu bán hàng hóa khác	Tr.đ	5.555	5.856	1.366	23,3%
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tr.đ	82.684	98.507	104.019	105,6%
	Doanh thu vận tải bộ	Tr.đ	1.612	1.487	1.350	90,8%
	Doanh thu dịch vụ hoạt động khác	Tr.đ	817.537	924.856	625.860	67,7%
3	Tổng doanh thu hợp nhất	Tr.đ	4.304	4.294	4.627	107,8%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	8.105	25.726	16.355	64%
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đ	8.105	25.726	16.355	64%

## Đánh giá chung

Năm 2019, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Giám đốc Công ty đã bám sát các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và diễn biến thị trường, giá cơ sở và cơ chế điều hành lãi gộp của Tập đoàn, cùng với sự nỗ lực cố gắng của tập thể Ban lãnh đạo, CBCNV, kết quả SXKD của Công ty đạt được tương đối toàn diện, chỉ tiêu lợi nhuận hoàn thành 100% kế hoạch được ĐHCĐ giao.



## Về kinh doanh vận tải

Sản lượng vận tải XD năm 2019 đạt 52.222.347 m3.km đạt 96% KH, tăng 6% so với TH năm 2018. Trong đó:

- Vận chuyển cho Công ty XD Hà Sơn Bình đạt 28.686.335 m3.km, giảm 4,4% so với TH năm 2018 do xe tự nhân tự vận chuyển.
- Vận chuyển cho Công ty XD Điện Biên đạt 11.386.129 m3.km, tăng 23% so với TH năm 2018 do Công ty được Tổng công ty giao thêm 15% thị phần.
- Vận chuyển xăng dầu tái xuất Lào đạt 3.589.398 m3.km, giảm 17% so với TH năm 2018 do Petrolimex Lào khó khăn về tài chính và nhập nguồn từ Thái Lan.
- Vận chuyển cho Công ty XD Hà Nam Ninh đạt 6.379.368 m3.km.
- SL vận chuyển nội bộ, khác đạt 2.181.117 m3.km.

Doanh thu vận tải năm 2019 đạt 104 tỷ đồng bằng 106% so với TH 2018. Lợi nhuận vận tải trước thuế đạt 2.851 triệu đồng đạt 100% KH và bằng 119% so với năm 2018.

## Về kinh doanh xăng dầu

Tổng sản lượng xuất bán năm 2019 đạt 33.074 m3 đạt 87% KH, giảm 34% so với TH 2018. Trong đó:

- Bán lẻ: 25.391 m3 đạt 100% kế hoạch, tăng 3% so với TH năm 2018..
- Bán buôn, nhượng quyền TM: 7.683 m3 đạt 60% kế hoạch, giảm 70% so với TH năm 2018 (theo chủ trương của Tập đoàn).

Năng suất bán lẻ xăng dầu BQ đạt 27,5 m3/người/tháng, tăng 4,4% so với 2018 (26,33m3). Các CHXD trên địa bàn Hà Nội NSLĐ BQ 33,41 m3, các CHXD trên địa bàn tỉnh Hòa Bình NSLĐ BQ 17,21 m3.

Thù lao/lãi gộp bán lẻ BQ năm 2019 là 1.080 đ/lít (bao gồm cả yếu tố giá vùng 2 và chênh lệch giá hàng tồn kho do tăng, giảm giá XD). Lợi nhuận KDXD trước thuế đạt 2.177 trđ đạt 86% KH và bằng 84% so với năm 2018.

# 52.222.346

## SẢN LƯỢNG VẬN TẢI

# 33.0743

## SẢN LƯỢNG KD XĂNG DẦU

## Doanh thu

Việc cạnh tranh quyết liệt trong thị trường đã ảnh hưởng đến doanh thu của công ty. Doanh thu mảng bán hàng hóa năm 2019 giảm 32,3% nhưng doanh thu cung cấp dịch vụ lại có sự tăng trưởng so với năm 2018. Doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2019 đạt 104.019, tương đương với 105,6% năm 2018.

## Chỉ tiêu so với kế hoạch

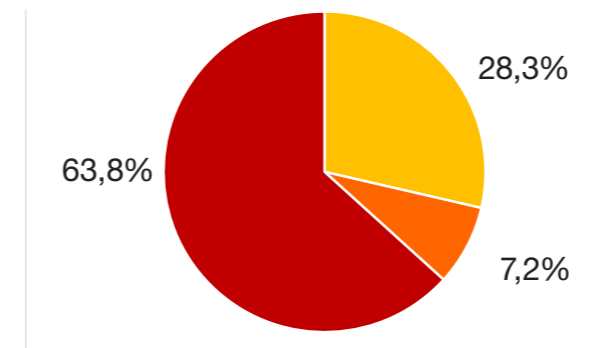
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	TH 2019	TH 2019/ KH 2019
1	<b>Sản lượng thực hiện</b>				
	Sản lượng vận tải	M3km	54.200.000	52.222.347	96,4%
	Sản lượng bán xăng dầu	M3	38.100	33.074	86,8%
2	<b>Doanh thu</b>	Tr. đ	738.950	625.860	84,7%
3	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tr. đ	5.800	5.818	100,3%
4	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Tr. đ	4.293	4.627	107,8%
5	<b>Chia cổ tức</b>	%	10	10	100,0%

Đánh giá: Năm 2019, với những nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo, Công ty đã hoàn thành tương đối chỉ tiêu kế hoạch đặt ra năm 2019. Tổng doanh thu đạt 625.860 triệu đồng, tương đương 84,7% so với kế hoạch. Trong đó lợi nhuận đạt 5.818 triệu đồng và sản lượng vận tải đạt 52.222.347 m3.km

## CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

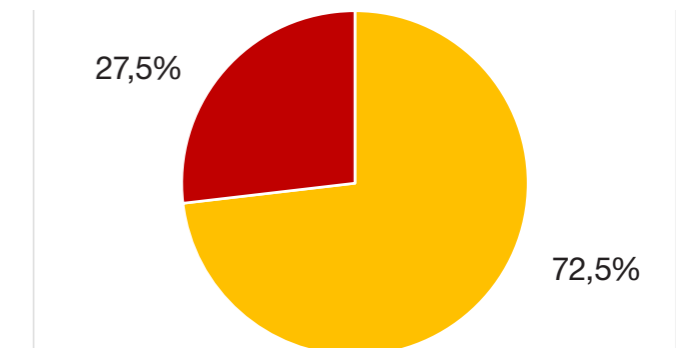
Tiêu chí	Số lượng 2018 (người)	Tỷ trọng 2018 (%)	Số lượng 2019 (người)	Tỷ trọng 2019 (%)
<b>Theo trình độ lao động</b>				
Trình độ Đại học và trên Đại học	81	28,62	78	28,3
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	23	8,13	20	7,2
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	179	63,25	176	63,8
Lao động phổ thông	0	0	2	0,7
<b>Theo đối tượng lao động</b>				
Lao động trực tiếp	207	73,14	200	72,5
Lao động gián tiếp	76	26,86	76	27,5
<b>Theo giới tính</b>				
Nam	204	72,08	197	71,4
Nữ	79	27,92	79	28,6
<b>Tổng</b>	<b>283</b>	<b>100</b>	<b>276</b>	<b>100</b>

Cơ cấu lao động theo trình độ



- Trình độ Đại học và trên Đại học
- Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật

Cơ cấu lao động theo đối tượng



- Lao động trực tiếp
- Lao động gián tiếp

## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

### Chính sách chung

Tất cả cán bộ công nhân viên đều được ký hợp đồng lao động. Đối với nhân viên theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, Công ty bố trí làm những công việc nhẹ nhàng hơn.

Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn được nhận lương theo các quy định của bảo hiểm xã hội. Điều kiện làm việc được đảm bảo.

Luôn nâng cao đời sống vật chất tinh thần, tạo động lực cho người lao động làm việc luôn gắn bó lâu dài với Công ty;

Thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể và các chế độ chính sách khác theo thỏa ước lao động tập thể.

### Chính sách tuyển dụng

Thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao, mọi thông tin tuyển dụng đều được truyền tải đến mọi ứng viên thích hợp cho vị trí tuyển dụng. Thu hút những ứng viên tiềm năng cũng như nhìn nhận sự phát triển của toàn thể nhân viên Công ty.

### Chính sách đãi ngộ

Chính sách đãi ngộ nhân viên ở mỗi cấp độ khác nhau phải đáp ứng được những yêu cầu của Công ty và nhu cầu của nhân viên, tạo mức cạnh tranh trong thị trường lao động, nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở và điều kiện thực tế của Công ty. Từ đó, mang lại công bằng trong những cơ hội nghề nghiệp và cơ hội thăng tiến, đảm bảo đúng quy định của luật hiện hành

## Chính sách lương

Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường. Tiền lương bình quân năm 2019 toàn công ty là 9.258.000 đồng/người/tháng đạt 101% so với kế hoạch. Thu nhập bình quân 10.263.000 đồng/người/tháng. Nâng bậc lương đối với cán bộ gián tiếp đúng thời hạn, ngạch bậc và kịp thời. Xét và tổ chức thi nâng bậc đối với công nhân các cấp bậc cán bộ công nhân viên hàng năm theo đúng quy định.

Nguyên tắc phân phối tiền lương cho người lao động

- Đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước;
- Mức lương bình quân của Công ty không thấp hơn mức lương bình quân của các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực;

## Chính sách đào tạo

Phát triển nguồn nhân lực có tính chất kế thừa và đảm bảo cơ cấu lao động hợp lý. Công tác đào tạo, nâng cao trình độ cho người lao động luôn được Công ty chú trọng và triển khai thường xuyên vì đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của Công ty.

Hàng năm cử cán bộ tham gia các khóa học và các lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp. Tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động Công ty tham gia các lớp học để nâng cao trình độ nếu có nguyện vọng. (Như: Mở lớp tập huấn, huấn luyện kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho lực lượng PCCC cơ sở)

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

### Đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư

TT	Hạng mục đầu tư	KL TH	KH 2019 (trđ)	TH 2019 (trđ)	TH/KH (%)
1	Xe ô tô sitec chở xăng dầu	06	15.100	15.266	101
2	Xe ô tô con 05 chỗ	01		585	
3	Đền bù đất và GPMB CHXD	01	4.400	0	0
4	Cột bơm XD	01	280	250	89
5	Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	02	0	254	
<b>Tổng giá trị đầu tư</b>			<b>19.780</b>	<b>16.355</b>	<b>82,7</b>

### Đầu tư bằng nguồn chi phí

Các hạng mục sửa chữa lớn đầu tư bằng nguồn chi phí: 578 triệu đồng.

Trong đó: Cải tạo, sửa chữa lớn, nhận diện thương hiệu Petrolimex các CHXD 578 triệu đồng.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	Tr.đ	116.407	124.194	+6,7%
Doanh thu thuần	Tr.đ	924.855	625.860	-32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ	5.358	5.342	-0,3%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.414	5.818	+7,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.293	4.627	+7,8%

### Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2019 là 124.194 triệu đồng, tăng 6,7% so với năm 2018. Trong đó vốn góp của chủ sở hữu (Vốn điều lệ) tăng 60% do trong năm Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

### Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31.12.2019 là: 73.017 triệu đồng, giảm tuyệt đối 5.683 triệu đồng, tương ứng giảm 7,2% so với năm 2018 do trong năm Công ty đã trả một phần tiền ký cược cho lái xe.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,67	0,59
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,08	1,43
Hệ số Nợ ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,54	0,36

Tình hình nợ phải thu khách hàng tại thời điểm 31.12.2019 là 12.804 triệu đồng, tăng 1.396 triệu đồng so với đầu năm.

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

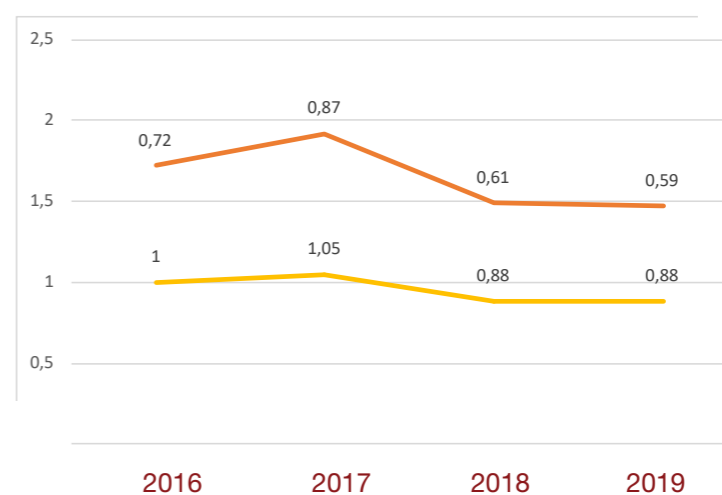
Các chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019
<b>1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,00	1,05	0,88	0,88
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,72	0,87	0,61	0,59
<b>2.Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>					
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,67	0,66	0,67	0,59
Hệ số nợ/Tổng vốn chủ sở hữu	Lần	2,02	1,93	2,08	1,43
<b>3.Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>					
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	114,10	128,50	110,26	51,87
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	7,93	8,61	7,95	5,04
<b>4.Chỉ tiêu khả năng sinh lời</b>					
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,56	0,53	0,46	0,76
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	13,50	12,60	11,40	9,00
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	%	4,50	4,30	3,70	3,70
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,70	0,70	0,58	0,85

### Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty năm 2019 vẫn giữ nguyên so với năm 2018 là 0,88, thấp hơn so với những năm trước đó. Các tài khoản có tính thanh khoản cao nhất như tiền hay các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng đều có xu hướng tăng đáng kể so với năm 2018. Nhưng hàng tồn kho lại có dấu hiệu tăng trong khi tài sản ngắn hạn giảm. Xăng dầu – sản phẩm chủ lực của công ty là một mặt hàng thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày. Do đó tính thanh khoản của sản phẩm này cũng tiềm ẩn ít rủi ro hơn.

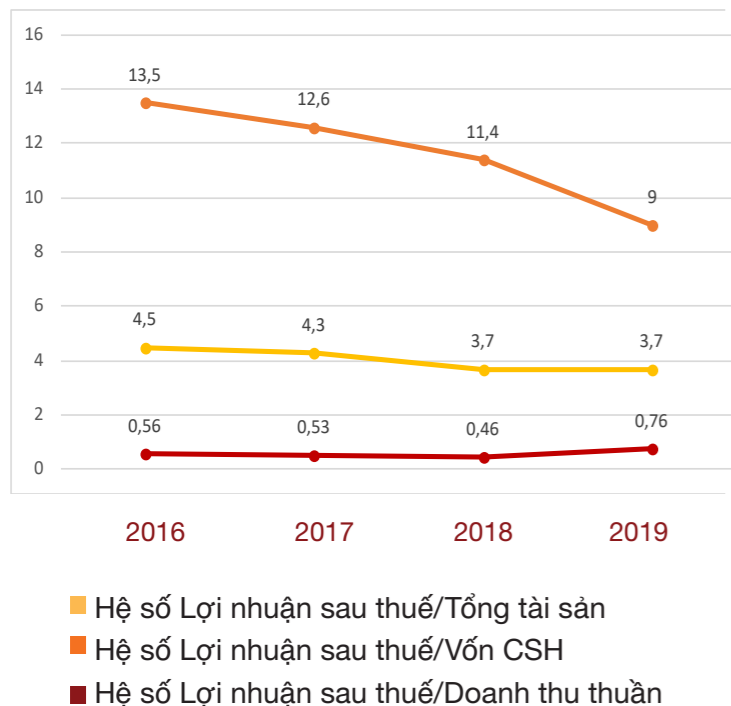
Mặc dù hệ số thanh toán hiện hành nhỏ hơn 1 Công ty gặp đôi chút khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng hệ số thanh toán nhanh lớn hơn 0,5 cho thấy Công ty luôn duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn.

### Chỉ tiêu khả năng thanh toán (Lần)



■ Hệ số thanh toán ngắn hạn  
■ Hệ số thanh toán nhanh

### Chỉ tiêu khả năng sinh lời (%)



### Khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần năm 2019 cao hơn năm 2018 do: Doanh thu bán xăng dầu năm 2019 thấp hơn năm 2018 chủ yếu do giá bán xăng dầu giảm và sản lượng bán xăng dầu (bán buôn, nhượng quyền) giảm, lãi gộp bán xăng dầu giữ ổn định so với năm 2018;

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE) năm 2019 thấp hơn năm 2018 do: Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty.

### Cơ cấu vốn

Năm 2019, thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ tỷ lệ 100/60. Vốn điều lệ trước khi tăng là 21.894.780.000 đồng, vốn điều lệ sau khi tăng là 35.031.640.000 đồng.

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 3.503.164 cổ phiếu tương ứng với vốn điều lệ là 35.031.640.000 đồng, trong đó: Vốn góp của Tổng công ty dịch vụ xăng dầu Petrolimex: 17.867.713.000 đồng chiếm tỷ lệ 51%. Các cổ đông khác: 17.164.510.000 đồng chiếm tỷ lệ 49%

### Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho giảm gần một nửa từ 110,26 vào đầu năm xuống còn 51,87 cuối năm 2019. Số vòng quay giảm cho thấy Công ty đang phải đối mặt với những khó khăn nhất định trong hoạt động kinh doanh. Những sự biến động của nền kinh tế và sự bất ổn của giá dầu thế giới năm 2019 đã ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ trên thị trường và hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2019.

Điều này khiến việc xoay vòng hàng tồn kho cần nhiều thời gian hơn so với các năm trước đây. Và đồng thời tác động đến lượng hàng tồn kho cuối năm tăng so với đầu năm. Bên cạnh đó, chỉ số vòng quay tài sản đồng thời giảm trong năm 2019, từ 7,95 còn 5,04. Trong điều kiện bất lợi về giá dầu thế giới, Công ty chưa thể phát huy tối đa việc tối ưu hóa sử dụng tài sản trong hoạt động sản xuất kinh và dẫn đến chỉ tiêu vòng quay tài sản có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2019.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phiếu

Số cổ phần phổ thông	3.503.164 cổ phiếu
Số cổ phần ưu đãi	0 cổ phiếu
Số cổ phần đang lưu hành	3.503.164 cổ phiếu
Số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng

### Thông tin cổ phiếu

Năm	Vốn điều lệ (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (ĐỒNG)	Hình thức tăng vốn
2003	6.000.000	500.000.000	Nhận chuyển giao TS từ CTXD Hà Sơn Bình
5/2006	6.500.000.000	3.500.000.000	Phát hành tăng vốn ưu tiên cho CĐ nhà nước
2009	10.000.000.000	6.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ra công chúng
2017	16.000.000.000	2.399.750.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
2018	18.399.750.000	3.495.030.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
2019	21.894.780.000	35.031.640.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu

### Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (mệnh giá)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	1.786.713	17.867.130.000	51	01
2	Cổ đông nhỏ	1.716.451	17.164.510.000	49	189
	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng	3.503.164	35.031.640.000	100	
1	Cổ đông trong nước	3.503.164	35.031.640.000	100	190
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng	3.503.164	35.031.640.000	100	
1	Cổ đông tổ chức	1.786.713	17.867.130.000	51	01
2	Cổ đông cá nhân	1.716.451	17.164.510.000	49	189
	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng	3.503.164	35.031.640.000	100	190

### Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	Số 299 Tây Sơn – Ngã Tư Sở – Đống Đa – Hà Nội	1.786.713	17.867.130.000	51%



## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- \* Tổng quan về môi trường kinh doanh năm 2019
- \* Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2019
- \* Tình hình tài chính năm 2019
- \* Đánh giá thành tựu, tiến bộ Công ty năm 2019
- \* Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

# TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

Tốc độ tăng trưởng kinh tế cả nước đạt 7,02% là dấu hiệu cho thấy nền kinh tế trong nước năm 2019 tương đối ổn định. Thị trường xăng dầu nội địa ngày càng cạnh tranh quyết liệt, đặc biệt thị trường ở vùng đầu nguồn, số lượng cửa hàng bán lẻ trên địa bàn nhiều đã chia sẻ thị phần. Việc điều hành giá xăng dầu của Chính phủ đã bám sát với thế giới, vận hành theo Nghị định 83/2014/NĐ - CP, do đó cơ chế lãi gộp linh hoạt và lãi gộp duy trì khá ổn định.

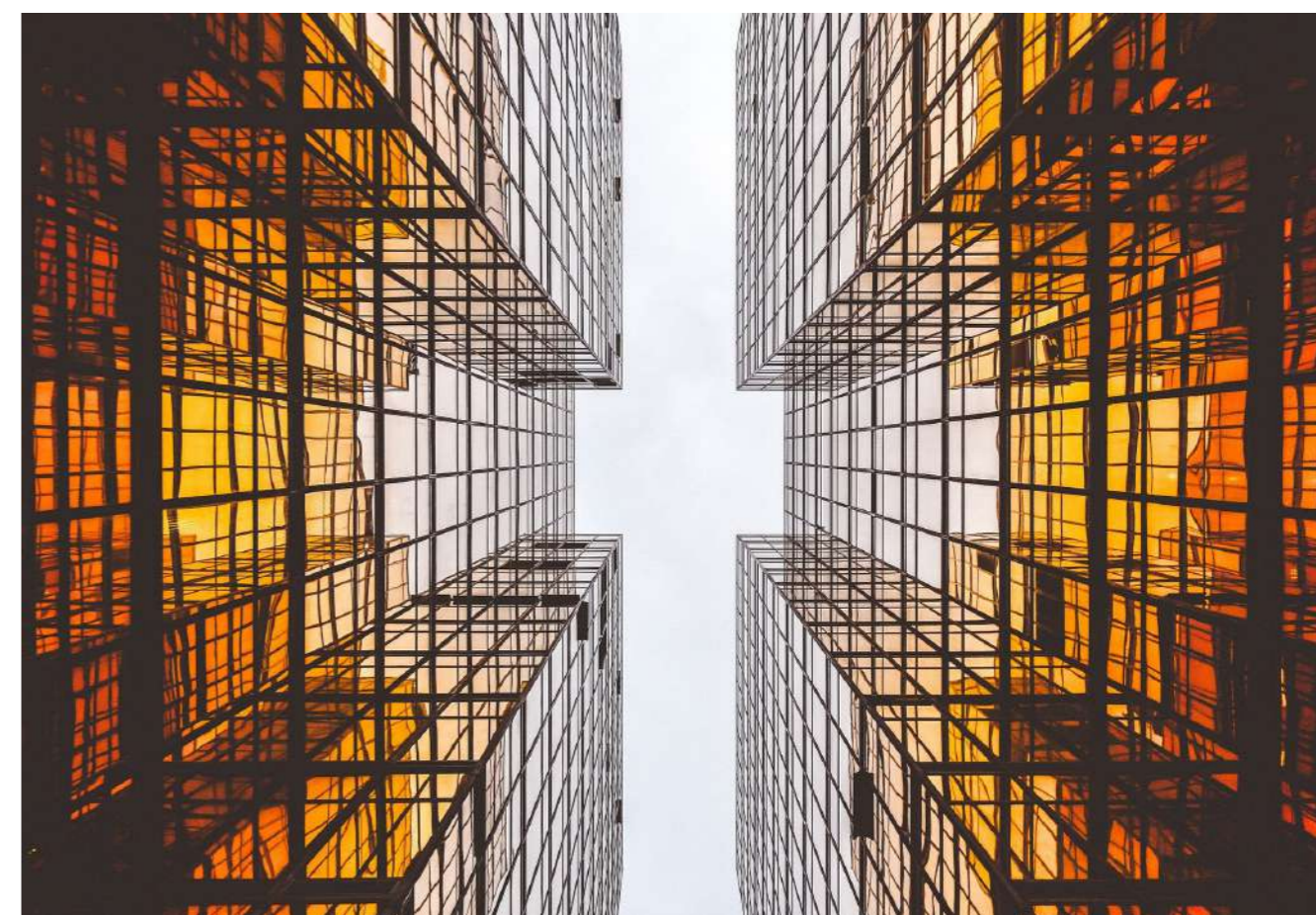
Nhưng vẫn tồn tại việc cạnh tranh không bình đẳng giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành hàng là nguồn xăng dầu không rõ nguồn gốc vẫn tràn lan trên thị trường với mức chiết khấu cao. Năm 2020 được dự báo sẽ là một năm đầy khó khăn và thử thách với Công ty khi phải đối mặt với rất nhiều biến động liên quan đến chính sách xăng dầu, những bất ổn của nền kinh tế toàn cầu cũng như những sự cạnh tranh ngày một gia tăng, Công ty cần chuẩn bị tâm thế và sự chủ động cùng với một tinh thần quyết liệt, trách nhiệm cao để đối mặt và ứng phó với những thách thức trong năm nay.

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	TH 2019	KH 2019	% Đạt kế hoạch	% 2019/2018
Doanh thu thuần	Tr.đ	924.855	625.860	738.950	84,7%	68%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.293	4.627	4.293	107,8%	108%
Mức cổ tức	%	15	10	10	100%	66,7%

Năm 2019 là một năm khó khăn của nền kinh tế, Công ty đã đạt mức doanh thu thuần giảm 32% so với năm 2018 và tương đương 84,7% % so với kế hoạch. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế của Công ty lại tăng 8% so với năm 2018 và vượt 7,8% mức kế hoạch đặt ra. Nguyên nhân đến từ biến động khó lường của giá dầu năm 2019 và những sự cạnh tranh quyết liệt đã ảnh hưởng đến doanh thu của công ty.

Việc doanh thu của Công ty giảm dẫn đến mức cổ tức năm 2019 giảm so với 2018. Tuy nhiên, với nỗ lực của toàn cán bộ công nhân viên trong Công ty, mức cổ tức đã hoàn thành kế hoạch ban đầu đề ra.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019

## Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2019 (Tr.đ)	2018 (Tr.đ)	Chênh lệch	
			Số tiền	%
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>36.796</b>	31.949	4.847	15,2%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	10.182	5.318	4.864	91,5%
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	13.213	13.988	(775)	-5,5%
III. Hàng tồn kho	12.095	9.852	2.243	22,8%
IV. Các tài sản ngắn hạn khác	1.305	2.791	(1.486)	-53,2%
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>87.399</b>	84.458	2.941	3,5%
I. Các khoản phải thu dài hạn	39	54	(15)	-27,7%
II. Tài sản cố định	77.104	74.610	2.494	3,34%
III. Tài sản dở dang dài hạn	410	890	(480)	-53,93%
IV. Tài sản dài hạn khác	9.846	8.904	942	10,6%
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>124.194</b>	<b>116.407</b>	<b>7.787</b>	<b>6,7%</b>

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2019 là 124.194 triệu đồng, tăng 6,7% so với năm 2018. Trong đó vốn góp của chủ sở hữu (Vốn điều lệ) tăng 60% do trong năm Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể:

Tài sản ngắn hạn tăng 4.847 triệu đồng so với năm 2018, tương đương 15,2%. Trong đó tiền và các khoản tương đương tiền tăng 4.864 triệu đồng (91,5%) và các khoản phải thu ngắn hạn giảm 775 triệu đồng (5,5%); hàng tồn kho tăng 2.243 triệu đồng (22,8%)

Tài sản dài hạn tăng 2.941 triệu đồng, tương đương với 3,5%.

# 124.194

## TỔNG TÀI SẢN

## Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số cuối năm (Tr.đ)	Số đầu năm (Tr.đ)	Chênh lệch	
			Số tiền	%
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>41.722</b>	36.298	5.425	14,9%
1. Phải trả cho người khác	15.227	13.043	2.184	16,7%
2. Người mua trả tiền trước	48	1.487	(1.439)	-96,8%
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	772	387	385	99,5%
4. Phải trả ngắn hạn khác	144	167	(53)	-31,7%
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24.875	20.426	4449	21,78%
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	141	295	(154)	52,2%
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>31.295</b>	42.402	(11.107)	26,2%

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31.12.2019 là: 73.017 triệu đồng, giảm tuyệt đối 5.683 triệu đồng, tương ứng giảm 7,2% so với năm 2018 do trong năm Công ty đã trả một phần tiền ký cược cho lái xe.

Cụ thể: chỉ tiêu Nợ ngắn hạn của Công ty tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó chỉ tiêu Người mua trả trước giảm 1.439 triệu đồng, tương đương 96,8% so với đầu kỳ. Trong khi đó nợ dài hạn giảm xuống chỉ còn 73,8% so với hồi đầu kỳ.

# 73.017

## TỔNG NỢ PHẢI TRẢ



# ĐÁNH GIÁ THÀNH TỰU, TIẾN BỘ CỦA CÔNG TY NĂM 2019

## Công tác quản trị nội bộ



Ban hành hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty phù hợp với các quy định của Nhà Nước, Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex và tình hình thực tiễn của công ty.



Công ty luôn chú trọng công tác quản trị chi phí. Thành lập Ban khảo sát xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật của công ty để khảo sát, phân tích quản trị và ban hành các định mức chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa, định ngạch xăm lốp, tiền lương... cho phù hợp trong Tổng công ty.



Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, chi phí cải tạo sửa chữa, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.



Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra sát sao công tác an toàn kỹ thuật, an toàn PCCC, BVMT và an toàn VSLĐ. Nâng cao ý thức trách nhiệm chấp hành quy định của pháp luật, nội quy quy chế và của công ty, bảo đảm an toàn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

## Công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường

Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất xe ô tô xi téc về công tác đảm bảo an toàn kỹ thuật, kết cấu xi téc và chấp hành các quy định của Pháp luật, Công ty; kiểm tra và cấp giấy phép đủ điều kiện vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy nổ cho 100% xe ô tô xitec. Thực hiện lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho 100% xe ô tô xi téc của công ty, thường xuyên theo dõi, kiểm tra giám sát và nhắc nhở lái xe chấp hành quy định pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông.

Công ty đạt giải nhì hội thi lái xe giỏi năm 2019 do Tổng công ty tổ chức. Đây là tiền đề để tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền góp phần nâng cao kiến thức và kỹ năng điều khiển xe an toàn, ý thức, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao thông của lái xe.

Thành lập ban chỉ đạo công tác PCCC, ứng phó sự cố khẩn cấp do Phó giám đốc Công ty (Phụ trách kỹ thuật) làm trưởng ban. Tại các CHXD, đơn vị trực thuộc thành lập đội PCCC cơ sở, đội ứng phó sự cố khẩn cấp.

Tổ chức kiểm tra các cửa hàng xăng dầu để chấn chỉnh công tác đảm bảo an toàn PCCC và bảo vệ môi trường, bổ sung hệ thống chống sét, dụng cụ PCCC; hoàn thiện hồ sơ bảo vệ môi trường theo quy định tại các đơn vị trong toàn công ty gồm hợp đồng thu gom rác thải nguy hại, đo quan trắc môi trường định kỳ.

Công ty luôn quan tâm quan triệth đối với người lao động về việc chấp hành các quy định của Pháp luật đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông, số các vụ việc tai nạn đã giảm nhiều so với năm 2018. Tuy nhiên trong năm vẫn còn xảy ra 05 vụ việc va trạm giao thông lớn nhỏ, trong đó có vụ ngày 26/10/2019 xảy ra tại địa phận Hòa Bình, không gây thiệt hại về người, xe ô tô hư hỏng và thiệt hại về hàng hóa. Các vụ việc đều được công ty chỉ đạo khắc phục kịp thời.



# CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	So với TH 2019 (%)
1	Sản lượng kinh doanh chính:			
1.1	Sản lượng vận tải bộ	m3.km	52.200.000	100%
1.2	Sản lượng bán xăng dầu	m3	27.050	82%
2	Doanh thu	Tr.đồng	539.400	86%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.250	90%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4.200	91%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	100%
6	Tổng giá trị đầu tư trong kỳ	Tr.đồng	14.845	91%

## Tình hình

Năm 2020, dự báo tình hình kinh tế có nhiều biến động xấu do chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19, tình hình kinh doanh của Công ty cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn:

- Công ty phải dừng bán NQTM kể từ 31/12/2019 theo chỉ đạo của Tập đoàn, ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của số lao động hưởng lương bán buôn xăng dầu tại Cửa hàng XD và Văn phòng chi nhánh PTS Hòa Bình.
- Sản lượng bán lẻ xăng dầu của các Công ty xăng dầu thành viên nói chung và của Công ty nói riêng trong quý I giảm mạnh do ảnh hưởng dịch COVID-19 kéo theo nhu cầu vận chuyển xăng dầu giảm.
- Mức độ cạnh tranh trên thị trường tăng dần theo hàng năm, sự cạnh tranh về giá ngày càng khốc liệt, các TNPP có nhiều điều kiện để thu hút, lôi kéo hệ thống phân phối, tạo điều kiện cho các CHXD xã hội có thể áp dụng nhiều hình thức khuyến mại, giảm giá trực tiếp cho khách hàng, nguy cơ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng sản lượng bán lẻ các CHXD của Công ty.
- Công ty hiện có tổng số 13 CHXD, trong đó 05 cửa hàng thuộc sở hữu và 08 cửa hàng thuê (Hà Nội 7CH, Hòa Bình 6CH); một số cửa hàng hết thời hạn thuê Công ty phải thuê tiếp với mức giá thị trường cao hơn nhiều so với mức giá thuê trước đây, dẫn đến chi phí kinh doanh tăng cao theo năm. Việc đầu tư xây dựng mới CHXD trên địa bàn Hà Nội đặc biệt khó khăn do giá đất cao, thủ tục phức tạp, chi phí tốn kém.
- Thực hiện Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động. Theo đó, mức lương tối thiểu vùng năm 2020 tăng, chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ tăng tương ứng.

## Giải pháp trọng tâm

### Công tác an toàn

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền luật phòng chống tác hại của rượu bia để toàn thể người lao động, đặc biệt là đội ngũ lái xe không uống rượu bia khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông. Tuyên truyền, giáo dục lái xe nâng cao kiến thức và kỹ năng lái xe an toàn, ý thức về đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao thông của người lái xe.
- Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD; tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, công tác an toàn tiền hàng, công tác bảo đảm an ninh, an toàn giao thông, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.
- Tổ chức thường xuyên các chương trình đào tạo công tác an, để đảm bảo không xảy ra bất kỳ sự cố về cháy nổ, về ATVSLĐ và BVMT, đảm bảo tuyệt đối an toàn về tài sản và con người.

### Công tác kinh doanh

- Chủ động, linh hoạt, nhạy bén thích ứng với biến động của thị trường và cơ chế kinh doanh để đạt được mục tiêu kinh doanh; nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua tiết giảm chi phí và sử dụng nguồn lực hợp lý.



- Chú trọng công tác văn minh thương mại và giữ gìn uy tín thương hiệu Petrolimex, thương hiệu công ty. Tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm không ngừng nâng cao chất lượng vận tải, nâng cao phong cách và chất lượng phục vụ của lực lượng công nhân lái xe.
- Tổ chức tốt công tác vận tải xăng dầu bảo đảm nguồn cho các đơn vị được Tập đoàn giao nhiệm vụ, khai thác thêm nhu cầu vận tải ngoài nhiệm vụ.
- Kinh doanh xăng dầu các đơn vị cần phải năng động, sáng tạo trong kinh doanh, chủ động bám sát thị trường; tổ chức tốt công tác lập đơn hàng và bảo đảm nguồn để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tăng cường các giải pháp tiếp thị, cơ chế bán hàng nhằm thu hút khách hàng ở cửa hàng. Đồng thời nâng cao văn minh thương mại phục vụ tốt khách hàng, thực hiện cơ chế thưởng khuyến khích đối với cửa hàng để gia tăng sản lượng bán lẻ, nâng cao năng suất lao động
- Tiếp tục triển khai toàn bộ các cửa hàng của Công ty về nhận diện thương hiệu Petrolimex, thực hiện tốt 5S tại cửa hàng theo hướng dẫn của Tổng công ty.
- Đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngành.

#### **Công tác tài chính**

Tăng cường công tác kiểm soát công nợ, bảo đảm an toàn tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.

#### **Công tác quản trị nội bộ**

- Rà soát để bổ sung hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty phù hợp với các quy định mới của Nhà nước, Tập đoàn và Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex.
- Tiếp tục rà soát, khảo sát các định mức chi phí vận tải đảm bảo hợp lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời tạo động lực cho lái xe, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác phương tiện
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cơ sở đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt trong hoạt động SXKD, đồng thời tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

#### **Công tác tiền lương**

Tiền lương tiếp tục được xác định gắn với NSLĐ và hiệu quả; thực hiện nguyên tắc NSLĐ tăng thì tiền lương tăng, NSLĐ giảm thì tiền lương giảm.

#### **Công tác đầu tư**

Tiếp tục đầu tư đổi mới nâng cao chất lượng phương tiện vận tải và thay thế các xe đã quá cũ/sắp hết niên hạn sử dụng.



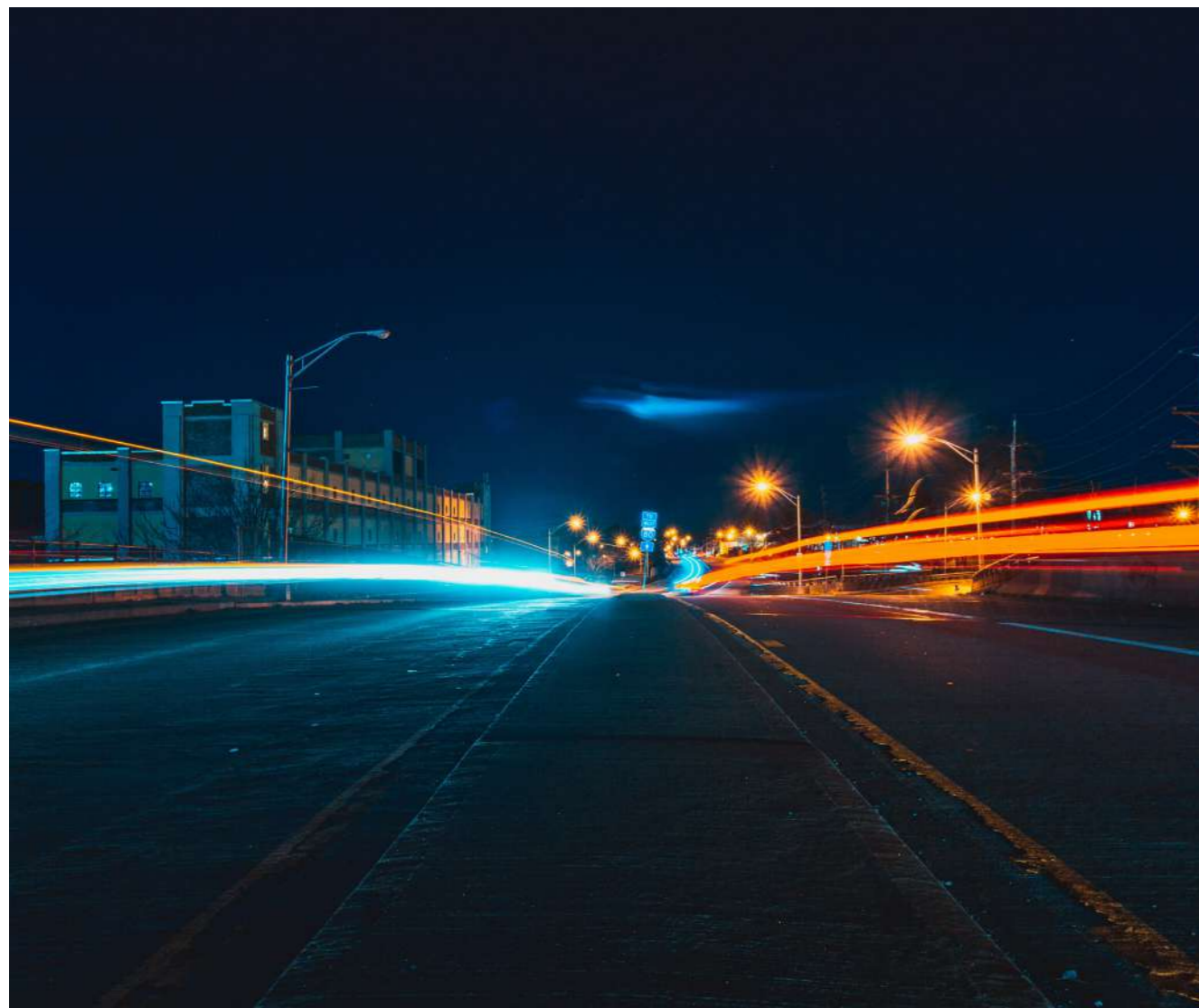
## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- \* Đánh giá chung về tình hình kinh tế, ngành 2019
- \* Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
- \* Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc
- \* Phương hướng năm 2020

# ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, NGÀNH NĂM 2019

## Thuận lợi

- Năm 2019, kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng chậm, tuy nhiên kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng mạnh mẽ và là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng đạt trên 7% kể từ năm 2011. Các cơ quan quản lý Nhà nước tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát chống gian lận thương mại trong kinh doanh xăng dầu.
- Hoạt động vận tải xăng dầu của Công ty được duy trì ổn định theo sự theo sự phân công thị trường vận chuyển và giá cước của Tập đoàn.
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu thực hiện theo Nghị định 83/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế kinh doanh xăng dầu của Tập đoàn. Mức thù lao bán lẻ xăng dầu được duy trì ổn định đảm bảo bù đắp chi phí và có lãi. Trong 6 tháng đầu năm 2019 Công ty đã nắm bắt kịp thời diễn biến giá cơ sở xăng dầu để điều hành hàng tồn kho và thu được lợi nhuận từ chênh lệch tăng giá hàng tồn kho và hạn chế thấp nhất lỗ do giảm giá xăng dầu.



## Khó khăn

### Trong hoạt động kinh doanh vận tải

- Thị trường vận tải cạnh tranh gay gắt với các đơn vị tư nhân, sản lượng vận chuyển cho các đại lý, khách hàng giảm sút do đại lý có xe tự vận chuyển/và Công ty xăng dầu thuê xe của tư nhân vận chuyển.
- Sản lượng vận chuyển cho Công ty XD Hà Sơn Bình giảm 5% so với cùng kỳ do cá nhân mua xe tự vận chuyển, trong đó: địa bàn Hòa Bình giảm 10%, địa bàn Sơn La giảm 5%.
- Các khoản chi phí đầu vào của hoạt động vận tải gia tăng trong các năm qua như: chi phí tiền lương, chi phí bảo hiểm xã hội, phí đường bộ, chi phí phát sinh khi các cơ quan quản lý Nhà nước ngày càng siết chặt công tác quản lý vận tải làm gia tăng giá thành vận tải trong khi Tập đoàn không điều chỉnh tăng cước, chỉ điều chỉnh theo biến động giá nhiên liệu.
- Công ty gặp khó khăn về nguồn vốn đầu tư đổi mới phương tiện do hết niên hạn sử dụng, phải sử dụng nguồn vốn vay, gây áp lực làm tăng giá thành vận tải.
- Sự thay đổi về luồng tuyến vận chuyển và các tuyến đường cũ được nâng cấp nên loại đường tốt hơn thì giá cước vận tải giảm mạnh hơn so với chi phí vận tải đã làm lợi nhuận vận tải bị giảm sút.
- Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/08/2019 của Bộ GTVT thay thế TT số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015, theo đó đã hạn chế tốc độ xe ô tô xi téc so với trước đây (giảm 20km/h), áp dụng từ 15/10/2019, cũng là yếu tố làm giảm năng suất hoạt động và tăng chi phí của phương tiện vận tải.
- Vận chuyển xăng dầu tái xuất sang Lào gặp khó khăn do Petrolimex Lào bị ảnh hưởng việc thay đổi chính sách tại Lào, khó khăn tài chính, nhu cầu vận tải không ổn định, xe phải chờ đợi nhiều gây lãng phí ngày xe, công nợ cước cao.

### Trong hoạt động kinh doanh xăng dầu

- Cạnh tranh trong kinh doanh xăng dầu diễn ra gay gắt giữa các đầu mối và TNPP, số lượng cửa hàng xã hội phát triển nhanh và có các cơ chế giảm giá để thu hút khách hàng. Việc cạnh tranh còn ở nguồn hàng không rõ nguồn gốc với mức chiết khấu cao. Lãi gộp xăng dầu diễn biến thực tế năm 2019 ở mức thấp nên ảnh hưởng đến kết quả SXKD
- Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Công ty ký hợp đồng Nhượng quyền thương mại của Tổng công ty PTC, các Công ty cổ phần vận tải không được áp dụng 100% nhận diện thương hiệu Petrolimex tại các CHXD, không được hưởng chính sách ưu đãi 200 đ/lít của Tập đoàn tại các Cửa hàng bán lẻ xăng dầu như các công ty xăng dầu nên nguồn lực cạnh tranh bị hạn chế, ảnh hưởng đến việc đẩy mạnh sản lượng bán ra.
- Việc đầu tư xây dựng mới CHXD trên địa bàn Hà Nội rất khó khăn do các thủ tục phức tạp, chi phí thủ tục và tiền đền bù đất phát sinh rất lớn. Một số CHXD hết thời hạn thuê bị giải thể hoặc thuê tiếp với mức giá thuê theo thị trường tăng cao hơn nhiều lần so với mức giá thuê trước đây.

Trước tình hình đó, HĐQT công ty đã tích cực, chủ động đưa nhiều giải pháp hữu hiệu, đồng bộ và tăng cường chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Công ty vượt qua những khó khăn thách thức, để hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

# ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Đánh giá chung về hoạt động SXKD

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2019 như sau:

- Tổng sản lượng vận tải xăng dầu đạt 52,2 triệu m<sup>3</sup>.km bằng 96% kế hoạch và 106% so với năm 2018.
- Tổng sản lượng bán xăng dầu đạt 33.074 m<sup>3</sup> bằng 87% kế hoạch và 66% so với năm 2018. Trong đó bán lẻ là 23.874 m<sup>3</sup> đạt 100% kế hoạch, tăng 3% so với năm 2018. Sản lượng bán NQTM giảm sút mạnh do Công ty thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn XDVN để thu hồi công nợ và chấm dứt bán NQTM vào 31/12/2019.
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 5.818 triệu đồng đạt 100% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế: 4.627 triệu đồng bằng 108% so với thực hiện năm 2018.
- Đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động (thu nhập bình quân) 10.263.000 đồng/người/tháng).
- Tỷ lệ trả cổ tức 10% (kế hoạch 10%).
- Đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt hoạt động của Công ty, tình hình tài chính lành mạnh.

## Đánh giá chung về hoạt động của Công ty

Năm 2019, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát tình hình thực tế của công ty để triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đã đưa ra và triển khai nhiều giải pháp phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức họp 07 phiên để quyết định các nội dung thuộc chức trách, nhiệm vụ. Một số công việc chính HĐQT đã thực hiện như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác trình Đại hội đồng cổ đông 2019 thông qua.
- Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 cho các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý và năm 2019.
- Chỉ đạo thực hiện trả cổ tức năm 2018 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu.
- Chỉ đạo thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ Công ty đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Kết quả đã thực hiện phân phối 1.313.686 cổ phiếu (100% số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành). Vốn điều lệ trước khi tăng: 21.894.780.000 đồng, vốn điều lệ sau khi phát hành tăng: 35.031.640.000 đồng.
- Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật, của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex để quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của Công ty.
- Quyết định đầu tư 06 xe ô tô xitec với tổng trị giá 15.266 trđ để thay thế các xe hết niên hạn sử dụng theo quy định của Nhà nước.
- Chỉ đạo công tác đầu tư cải tạo, sửa chữa nâng cấp và dấu hiệu nhận diện thương hiệu Petrolimex các CHXD.
- Chỉ đạo, định hướng phát triển kinh doanh dịch vụ hàng hóa khác ngoài xăng dầu.
- Chỉ đạo các giải pháp để giữ các cửa hàng xăng dầu công ty đang thuê và xin thủ tục dự án đầu tư xây dựng mới cửa hàng xăng dầu để công ty phát triển bền vững.
- Chỉ đạo tổ chức hội nghị sơ kết 6 tháng, hội nghị tổng kết năm 2019.
- Chỉ đạo, định hướng công tác xây dựng kế hoạch năm 2020 và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

## Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

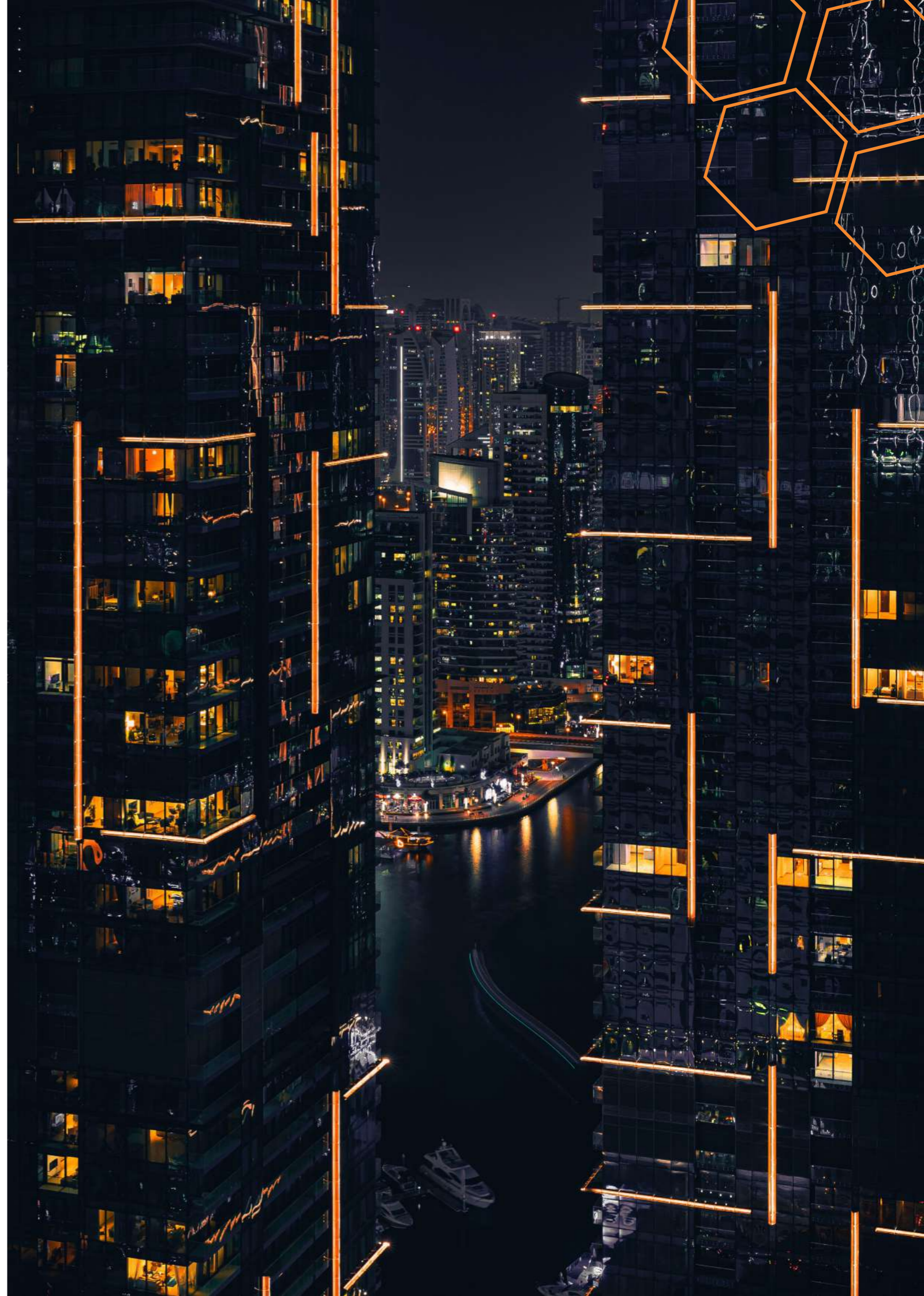
HĐQT đã chỉ đạo và giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ Công ty đúng theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua và có sự điều chỉnh kịp thời để phù hợp với tình hình thực tế SXKD của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Đối tượng	Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành	Thời hạn thực hiện
1	Trả nợ vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	700.000.000	Trong năm 2019
2	Mua xe ô tô xi téc vận chuyển xăng dầu	8.900.000.000	Trong năm 2019
3	Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)	3.536.860.000	Trong năm 2019
<b>Tổng Cộng</b>		<b>13.136.860.000</b>	

Thực hiện: Do thời gian xin cấp phép của UBCKNN và thu tiền kéo dài nên để đảm bảo việc thanh toán nợ đúng hạn và hoạt động đầu tư đúng theo kế hoạch phục vụ sản xuất kinh doanh, Công ty đã sử dụng các nguồn vốn khác để thanh toán một phần nợ đúng hạn và đầu tư mua phương tiện vận tải trong năm 2019. Hội đồng quản trị đã có Báo cáo xin phép UBCKNN thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu trước khi sử dụng, nay Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành như sau:

STT	Đối tượng	Vốn đã sử dụng từ đợt phát hành	Thời gian sử dụng
1	Trả nợ vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	196.667.000	Tháng 01/2020
2	Mua xe ô tô xi téc vận chuyển xăng dầu (01 xe)	2.850.000.000	Tháng 01/2020
3	Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)	10.090.193.000	Tháng 12/2019; Tháng 01/2020
<b>Tổng Cộng</b>		<b>13.136.860.000</b>	

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Công ty thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho số cổ phiếu phát hành mới vào tháng 1 và tháng 2 năm 2020



## ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi sát sao hoạt động của Giám đốc và người quản lý, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động điều hành của Giám đốc, các thành viên Ban giám đốc Công ty

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Giám đốc thông qua đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2019, quyỐt @Pnh những mục tiêu cụ thể và đề ra các chủ trương, định hướng và giải pháp trọng tâm để Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

Trong năm 2019, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành đã chỉ đạo quyết liệt và thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ. Nhiều mặt hoạt động của Công ty được đặc biệt quan tâm như: công tác đầu tư; tiết giảm, sử dụng hợp lý chi phí; rà soát, ban hành kịp thời các định mức kinh tế kỹ thuật; quản lý chặt chẽ công nợ, bảo đảm an toàn tài chính và hiệu quả kinh doanh...

Nhìn chung năm 2019, Giám đốc, các thành viên Ban giám đốc và người quản lý Công ty đã thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT. HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những thành tích và kết quả điều hành sản xuất kinh doanh năm 2019 của Ban Giám đốc Công ty.



## PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2020

Tình hình kinh doanh của công ty năm 2020 dự báo sẽ chịu rất nhiều áp lực khó khăn do thị trường kinh doanh xăng dầu và vận tải xăng dầu sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt, lãi gộp bán lẻ của Tập đoàn giao thấp hơn và công ty không được Tập đoàn cho bán đại lý/NQTM từ 01/01/2020 sẽ làm ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận kinh doanh xăng dầu. Năm 2020 chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ phát sinh tăng theo tăng mức lương tối thiểu vùng của nhà nước, trong khi đó Tập đoàn không điều chỉnh tăng cước; ngoài ra do ảnh hưởng của dịch virus corona nên sản lượng bán xăng dầu, vận tải xăng dầu trong quý 1/2020 của công ty bị giảm sút mạnh.

Xuất phát từ bối cảnh đó, HĐQT Công ty đề ra định hướng kế hoạch và giải pháp trọng tâm cho năm 2020 như sau:

- Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD là mục tiêu hàng đầu, tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, công tác bảo đảm an toàn giao thông, công tác an ninh, an toàn tại các CHXD và phương tiện vận tải xăng dầu;
- Triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD;
- Chỉ đạo tổ chức tốt hoạt động SXKD, phát triển thị trường, khách hàng, tăng hiệu quả, chất lượng dịch vụ; tổ chức tốt công tác vận tải để giảm giá thành; gia tăng sản lượng, năng suất lao động; đẩy mạnh phát triển kinh doanh hàng hóa khác.
- Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng phương tiện vận tải, thay thế các phương tiện vận tải đã quá cũ, hết niên hạn sử dụng theo quy định của Nhà Nước, góp phần hạ giá thành vận tải.
- Rà soát, xây dựng mới và hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản trị của công ty;
- Tiếp tục rà soát các khoản mục chi phí và triển khai các giải pháp để tiết giảm chi phí một cách hiệu quả;





## **BÁO CÁO QUẢN TRỊ**

- \* Hoạt động của Hội đồng quản trị
- \* Báo cáo và đánh giá của BKS
- \* Giao dịch, thù lao của HĐQT, BGD và BKS
- \* Về việc thực hiện các hoạt động quản trị Công ty

# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thành viên độc lập/ điều hành
1	Ông Lê Tự Cường	Chủ tịch HĐQT	59.643	1,7%	TV điều hành
2	Ông Vũ Quang Tuấn	Ủy viên HĐQT	114.202	3,25%	TV độc lập
3	Ông Nguyễn Tử Bình	Ủy viên HĐQT	94.147	2,69%	TV điều hành
4	Ông Nguyễn Tiến Cường	Ủy viên HĐQT	80.232	2,29%	TV điều hành
5	Ông Bùi Trung Định	Ủy viên HĐQT	173.523	4,95%	TV độc lập

## Không có Tiểu ban trực thuộc HĐQT

## Các hoạt động của HĐQT năm 2019

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Lê Tự Cường	Chủ tịch HĐQT	07	100%
2	Ông Vũ Quang Tuấn	Ủy viên HĐQT	07	100%
3	Ông Nguyễn Tử Bình	Ủy viên HĐQT	07	100%
4	Ông Nguyễn Tiến Cường	Ủy viên HĐQT	07	100%
5	Ông Bùi Trung Định	Ủy viên HĐQT	06	86%

Năm 2019, Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. Hội đồng quản trị đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của công ty để đề ra và triển khai các Nghị quyết. Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 07 phiên để quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của công ty.

Một số công việc chính:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 trình ĐHCĐ thông qua.
- Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hàng quý và năm 2019.
- Ban hành hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của công ty. Xây dựng được hệ hống quản trị nội bộ, đáp ứng mục tiêu minh bạch, kịp thời thông tin với cổ đông và nhà đầu tư.
- Chỉ đạo, giám sát công tác đầu tư phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngành theo chủ trương, định hướng của Tập đoàn theo thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

## Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm

STT	Số Quyết định/ Nghị định	Ngày	Nội dung
1	61/QĐ-HĐQT	04/3/2019	Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xe sitec chở xăng dầu
2	62/QĐ-HĐQT	28/3/2019	Ban hành quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty
3	63/QĐ-HĐQT	28/3/2019	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch cán bộ đến năm 2020
4	64/QĐ-HĐQT	28/3/2019	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025
5	65/NQ-HĐQT	10/4/2019	Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Công ty PTS Hà Tây
6	66/QĐ-HĐQT	11/4/2019	Phê duyệt kế hoạch năm 2019
7	67/NQ-HĐQT	03/5/2019	Nghị quyết thông qua phương án sử dụng vốn và hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
8	68/QĐ-HĐQT	26/4/2019	Quyết định phê duyệt quyết toán đầu tư 02 xe sitec
9	69/QĐ-HĐQT	29/5/2019	Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xe sitec chở xăng dầu
10	70/QĐ-HĐQT	12/6/2019	Phê duyệt đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019
11	71/QĐ-HĐQT	30/7/2019	Cử đoàn cán bộ đi công tác
12	72/QĐ-HĐQT	28/8/2019	Quyết định phê duyệt quyết toán đầu tư 02 xe sitec
13	73/QĐ-HĐQT	28/8/2019	Điều chỉnh đơn giá tiền lương vận tải
14	74/QĐ-HĐQT	01/10/2019	Quyết định phê duyệt quyết toán đầu tư 02 xe sitec
15	75/QĐ-HĐQT	03/10/2019	Phê duyệt chủ trương đầu tư xe ô tô 05 chỗ
16	76/QĐ-HĐQT	17/12/2019	Quyết định về việc phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua hết tính đến ngày 28/11/2019
17	77/QĐ-HĐQT	17/12/2019	Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xe sitec chở xăng dầu
18	78/QĐ-HĐQT	31/12/2019	Quyết định về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

## Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Chu Đức Hậu	Trưởng BKS chuyên trách	1.750	0,05%
2	Ông Ngô Ngọc Vĩnh	Ủy viên BKS	7.443	0,21%
3	Bà Trần Thị Nhung	Ủy viên BKS	5.910	0,16%

## Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành Công ty đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy định pháp lý hiện hành. Cụ thể, Ban kiểm soát đã triển khai những công việc sau:

- Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị – Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019. Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý Công ty.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban giám đốc trong năm 2019, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng, năm của Công ty; xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

- Ban kiểm soát thực hiện đảm bảo chế độ họp định kỳ, thường xuyên quan tâm trao đổi thông tin nghiệp vụ giữa các Kiểm soát viên để thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra. Các công việc khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

## Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT và Ban Giám đốc

Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của HĐQT và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT. Ban kiểm soát đã kiểm soát các hoạt động quản lý, điều hành của Ban giám đốc, đã kiểm tra việc ghi chép hạch toán sổ sách kế toán và lập Báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát đã xem xét, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính và hệ thống sổ sách kế toán năm 2019 của Công ty.

## Sự phối hợp giữa BKS với hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị cung cấp đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát; Giám đốc công ty, các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc khác đã cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các phòng nghiệp vụ Công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các chi nhánh và các cửa hàng xăng dầu trực thuộc. Qua công tác kiểm tra, Ban kiểm soát đã thông báo kết quả kiểm tra, giám sát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề còn tồn đọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.



# GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS

## Lương, thù lao của HĐQT, BGD và BKS năm 2019

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Mức lương/ thù lao thực hiện	Số tháng được hưởng	Tiền lương/ thù lao thực hiện
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				<b>603.252.000</b>
1	Lê Tự Cường	Chủ tịch HĐQT	39.000.000	12	468.000.000
2	Vũ Quang Tuấn	UV HĐQT kiêm nhiệm	5.636.000	12	67.626.000
3	Bùi Trung Định	UV HĐQT kiêm nhiệm	5.636.000	12	67.626.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>				<b>439.561.000</b>
1	Chu Đức Hậu	Trưởng BKS chuyên trách	28.178.000	12	338.130.000
2	Ngô Ngọc Vĩnh	TV BKS kiêm nhiệm	4.226.000	12	50.716.000
3	Trần Thị Nhung	TV BKS kiêm nhiệm	4.226.000	12	50.716.000
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>				<b>1.666.985.000</b>
1	Nguyễn Từ Bình	UV HĐQT, PGĐ	28.178.000	12	338.130.000
2	Nguyễn Tiến Cường	UV HĐQT, PGĐ	28.178.000	12	338.130.000
3	Bùi Văn Thường	Phó giám đốc	28.178.000	12	338.130.000
4	Dương Tú Oanh	Phó giám đốc	28.178.000	12	338.130.000
5	Ngô Thị Vui	Kế toán trưởng	26.205.000	12	314.465.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>2.709.798.000</b>

## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Tên người nội bộ/ NCLQ	Quan hệ	Chức vụ	Hình thức	Ngày	Số lượng	Số CP trước GD	Số CP sau GD	Tỷ lệ sau GD
Hồ Thị Phương Hoa	Vợ NCLQ		Được phân bổ +Mua	21/11/2019	7.585	6.568	14.153	0,4%
Nguyễn Từ Bình		Ủy viên HĐQT, PGĐ	Được phân bổ +Mua	22/11/2019	62.097	32.050	94.147	2,69%
Bùi Trung Định		Ủy viên HĐQT	Được phân bổ +Mua	21/11/2019	74.608	98.915	173.523	4,95%
Nguyễn Thị Thuận	Mẹ NCLQ		Được phân bổ +Bán	21/11/2019	0	6.842	6.842	0,2%
Chu Đức Hậu		Trưởng BKS	Được phân bổ	22/11/2019	656	1.094	1.750	0,05%
Vũ Quang Tuấn		Ủy viên HĐQT	Nhận chuyển nhượng	17/12/2019	55.919	58.283	114.202	3,26%

## VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời vào quy chế quản trị nội bộ của Công ty, một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh, ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

### Tăng cường hiệu quả quản trị công ty

Tiêu chí quản trị	Giải pháp tăng cường
Kế hoạch đào tạo/ học tập về quản trị công ty	Các thành viên HĐQT, BKS và BGD lên kế hoạch để tham gia đầy đủ các khóa học/ tập huấn về quản trị công ty do UBCKNN/ HNX tổ chức
Quan hệ nhà đầu tư	Cập nhật Quy trình công bố thông tin theo Quy chế Công bố thông tin của Sở GDCK TP Hà Nội
Quản trị tài chính - kế toán	Đang sử dụng phần mềm kế toán BPM, công ty có kế hoạch đổi mới phần mềm kế toán sang ERP để quản trị tốt hơn
Quản lý vận tài	Công ty hiện đang sử dụng phần mềm quản lý vận tài rất hiệu quả trong công việc



## **BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2019**

- \* Các chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường
- \* Các chính sách liên quan đến người lao động

# CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

## Mức tiêu thụ năng lượng

Tiêu thụ năng lượng năm 2019	Đơn vị tính	Lượng tiêu thụ
Tiêu thụ điện	kW	178.753
Tiêu thụ nước	m3	1.812

### Tiêu thụ điện năng

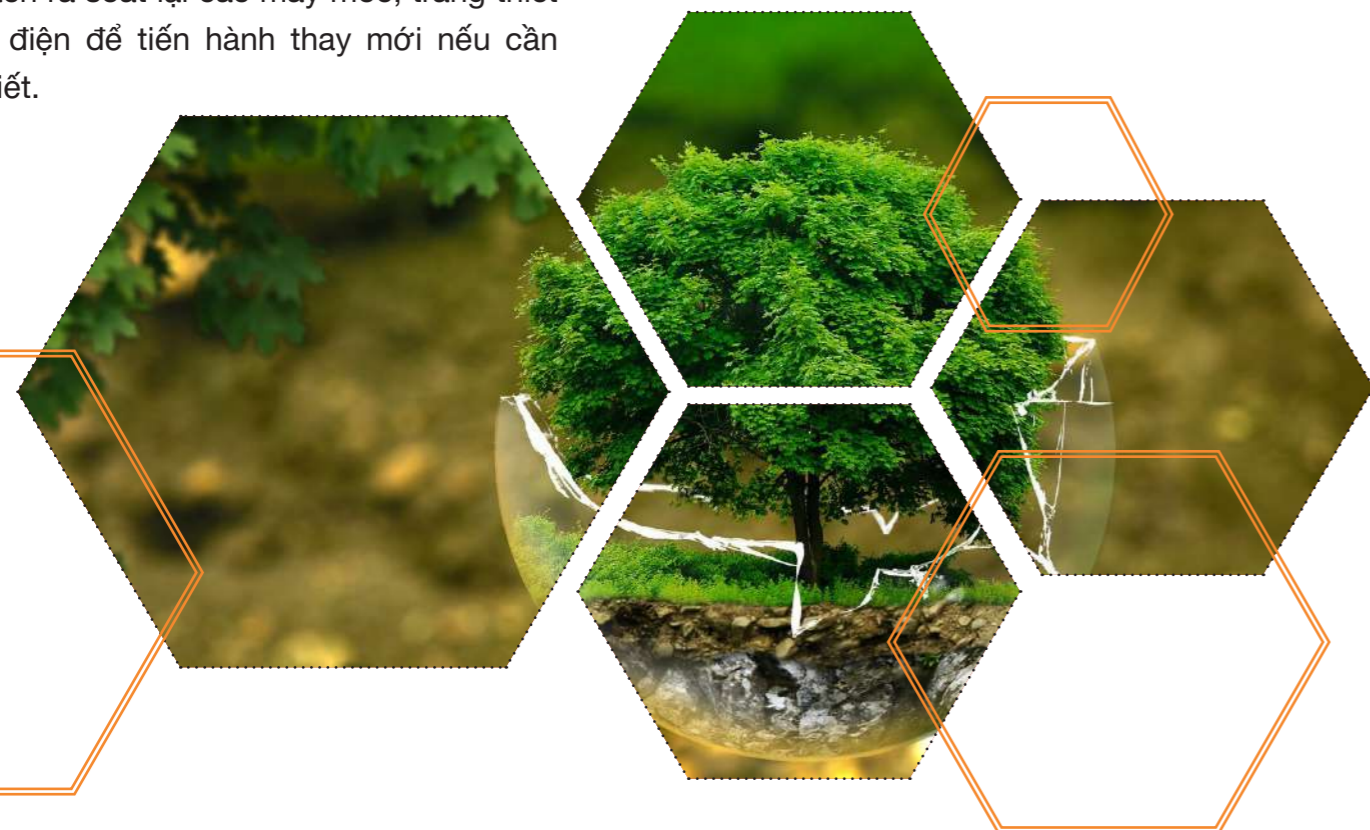
Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là chiếu sáng tại các kho bãi và sử dụng trong sinh hoạt của bộ phận hành chính – văn phòng.

Tổng mức tiêu thụ năng lượng điện của Công ty năm 2019 là 178.753 Kw. Công ty đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng: Thay thế toàn bộ bóng đèn sợi đốt bằng bóng đèn huỳnh quang, tắt các thiết bị điện khi không cần thiết,... Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

### Tiêu thụ nước

Mục đích sử dụng: Do đặc thù của ngành kinh doanh nên Công ty chỉ sử dụng nước vào mục đích sinh hoạt cũng như vệ sinh container, kho bãi.

Trong năm 2019, công ty sử dụng tổng cộng 1.812 m3 nước. Công ty không trực tiếp tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải. Tuy nhiên, Công ty luôn đảm bảo nguồn nước sau khi sử dụng được thu gom và xả thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.



## Các chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường

### Xây dựng hồ sơ pháp lý trong công tác môi trường

- Thực hiện đăng ký Đề án bảo vệ môi trường
- Lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
- Xây dựng khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại
- Phân công Trạm y tế Công ty theo dõi thường xuyên công tác bảo vệ môi trường
- Đang thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước...

### Thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên, định kỳ

- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 02 lần/ năm
- Ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp
- Định kỳ tổ chức vệ sinh kho bãi, nạo vét hệ thống thoát nước... đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan tại công ty
- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại nếu có
- Thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến công tác môi trường theo đúng quy định và yêu cầu của cơ quan quản lý
- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, nhất là bộ phận trực tiếp sản xuất
- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh luôn chủ động thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường để giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh. Ví dụ như: bảo dưỡng máy móc thiết bị để giảm tiếng ồn khi vận hành, vệ sinh bãi để giảm bụi...

# CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

## Đảm bảo sức khỏe và an toàn

- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN.
- Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động ít nhất 01 lần/năm
- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật lao động
- Cung cấp nước sạch tại nơi làm việc, trang bị bảo hộ lao động và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động như định kỳ kiểm định máy, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động...



## Đảm bảo phúc lợi

- Đảm bảo mức thu nhập ổn định cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách lương - thưởng phù hợp và minh bạch.
- Chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV thông qua các hoạt động văn hóa – thể thao, các chương trình tham quan, du lịch,...
- Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo,...
- Khuyến khích con em của CBCNV thi đua học tập bằng các phần quà ý nghĩa nhân các dịp tết thiếu nhi và Trung Thu. Tặng quà cho các cháu là con CNVC-LĐ nhân ngày 1/6, trung thu và các cháu đạt học sinh giỏi các cấp....
- Duy trì thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao trong công ty nhằm tăng cường mối quan hệ công tác, rèn luyện sức khỏe, trí tuệ cho người lao động.
- Tổ chức tặng quà sinh nhật cho người lao động với mức thấp nhất 200.000 đồng/người; tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng là con liệt sỹ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp các ngày lễ, tết.
- Tổ chức cho lao động nữ đi tham quan nhân dịp ngày 8/3 và 20/10, đồng thời chi tặng quà với mức 200.000 đồng/người.

## Đảm bảo bình đẳng giới

- Công ty cũng chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới – bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, với các minh chứng cụ thể như sau:
- Mức lương bình quân của người lao động nữ tương đương với mức lương bình quân của lao động nam.
  - Thực hiện đúng các chế độ đối với lao động nữ theo quy định của pháp luật
  - Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp.
  - Định kỳ hàng năm, Công ty có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ nhân các dịp như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

## Hoạt động đào tạo

- Số giờ đào tạo bình quân của mỗi CBCNV trong năm 2019 là 40h/CBCNV. Trong đó, có các chương trình đào tạo như sau:
- Đào tạo về chuyên môn, kỹ năng làm việc cho người lao động mới vào Công ty; đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV
  - Đào tạo về An toàn vệ sinh lao động, kỹ năng PCCC cho CBCNV
  - Các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình, hội thảo, chuyên đề do Ủy ban chứng khoán nhà nước, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Thành phố, các tổ chức khác tổ chức có liên quan đến hoạt động của Công ty như nghiệp vụ kế toán, chế độ báo cáo về chứng khoán, chính sách mới về thuế, lao động, bảo hiểm xã hội, nghiệp vụ xuất nhập khẩu...
  - Về công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động: Đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV về công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy cho 276 lao động.

## Số lượng người lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

STT	Phân loại	Số lượng 2019 (người)	Tỷ trọng 2019 (%)	Mức lương trung bình (đồng/ người/ tháng)
1	Theo trình độ lao động			<b>9.258.000</b>
	Trình độ Đại học và trên Đại học	78	28,3	
	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	20	7,2	
	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	176	63,8	
	Lao động phổ thông	2	0,7	
2	Theo đối tượng lao động			
	Lao động trực tiếp	200	72,5	
	Lao động gián tiếp	76	27,5	
3	Theo giới tính			
	Nam	197	71,4	
	Nữ	79	28,6	
	<b>Tổng</b>	<b>276</b>	<b>100</b>	

## Trách nhiệm với nhà đầu tư

Là một doanh nghiệp đã tham gia thị trường chứng khoán, Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của mối quan hệ với nhà đầu tư. Ban lãnh đạo Công ty luôn công bố thông tin một cách kịp thời, minh bạch, truyền tải thông tin tới nhà đầu tư thông qua chuyên mục “Nhà đầu tư” trên website của Công ty và qua kênh thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội.

Bộ phận phụ trách công bố thông tin của Công ty luôn cập nhật các văn bản mới nhất về Quản trị công ty, công bố thông tin đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ đối với cổ đông của Công ty cũng như các nhà đầu tư quan tâm tới Công ty.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

TM. HĐQT

CHỦ TỊCH



*(Handwritten signature)*  
LÊ TỰ CƯỜNG





## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019 ĐÃ KIỂM TOÁN**

- \* Báo cáo của Ban Giám đốc
- \* Báo cáo kiểm toán độc lập
- \* Bảng Cân đối kế toán
- \* Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh
- \* Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
- \* Thuyết minh Báo cáo tài chính
- \* Phụ lục

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

---

Tháng 3 năm 2020

MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 33

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Lê Tự Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Cường	Thành viên
Ông Bùi Trung Định	Thành viên
Ông Nguyễn Tử Bình	Thành viên
Ông Vũ Quang Tuấn	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Tự Cường	Giám đốc
Ông Nguyễn Tử Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc
Bà Dương Tú Oanh	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Thường	Phó Giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Tray mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Lê Tử Cường**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020*

Số: 27/2020/KT-AV3-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09/3/2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính tổng hợp này tại ngày 25/02/2019.



**Vũ Hoài Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1436-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020*

A blue ink signature of Nguyễn Thu Hà.

**Nguyễn Thu Hà**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2986-2019-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B01 - DN  
Đơn vị tính: VND  
01/01/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>36.795.631.833</b>	<b>31.949.151.295</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>10.182.216.758</b>	<b>5.317.770.822</b>
1. Tiền	111	5	10.182.216.758	5.317.770.822
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.212.677.438</b>	<b>13.988.044.076</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.803.934.678	11.408.140.030
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		159.167.428	278.833.186
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.1	249.575.332	2.301.070.860
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>12.095.461.991</b>	<b>9.851.837.123</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	12.095.461.991	9.851.837.123
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.305.275.646</b>	<b>2.791.499.274</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9.1	1.286.668.459	2.249.084.066
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.607.187	542.415.208
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>87.399.068.416</b>	<b>84.457.988.269</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>39.190.000</b>	<b>53.974.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7.2	39.190.000	53.974.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>77.103.667.665</b>	<b>74.610.146.376</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	75.760.598.369	73.231.734.340
- Nguyên giá	222		148.082.226.453	137.544.811.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.321.628.084)	(64.313.077.578)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.343.069.296	1.378.412.036
- Nguyên giá	228		1.871.985.537	1.871.985.537
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(528.916.241)	(493.573.501)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>410.000.000</b>	<b>890.059.591</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	410.000.000	890.059.591
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.846.210.751</b>	<b>8.903.808.302</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.2	9.846.210.751	8.903.808.302
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>124.194.700.249</b>	<b>116.407.139.564</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND  
01/01/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>73.017.432.224</b>	<b>78.700.430.261</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>41.721.876.483</b>	<b>36.298.006.145</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	15.226.690.109	13.042.992.551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		47.636.880	1.486.937.701
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	772.473.939	387.325.023
4. Phải trả người lao động	314		514.408.068	493.477.371
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15.1	143.681.698	166.979.492
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16.1	24.875.489.786	20.425.742.089
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		141.496.003	294.551.918
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>31.295.555.741</b>	<b>42.402.424.116</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15.2	25.395.565.741	31.782.426.116
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16.2	5.899.990.000	10.619.998.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>51.177.268.025</b>	<b>37.706.709.303</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>51.177.268.025</b>	<b>37.706.709.303</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17a	35.031.640.000	21.894.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.031.640.000	21.894.780.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	1.051.082.000	1.051.082.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	10.465.846.218	10.465.846.218
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17b	4.628.699.807	4.295.001.085
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.170.000	1.170.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.627.529.807	4.293.831.085
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>124.194.700.249</b>	<b>116.407.139.564</b>

Người lập biểu



Đinh Xuân Vũ

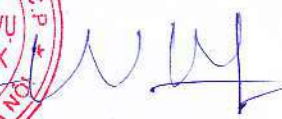
Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui



Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020  
Giám đốc



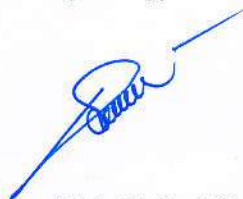
Lê Tự Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP  
Năm 2019

Mẫu số B02 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>625.860.006.390</b>	<b>924.855.730.365</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>625.860.006.390</b>	<b>924.855.730.365</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	<b>20</b>	569.238.431.511	870.448.211.253
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>56.621.574.879</b>	<b>54.407.519.112</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>21</b>	17.632.012	70.954.423
7. Chi phí tài chính	22	<b>22</b>	4.695.036.705	3.141.668.855
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.118.762.933	2.362.726.543
8. Chi phí bán hàng	25	<b>23.1</b>	21.071.188.182	21.440.350.703
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	<b>23.2</b>	25.530.488.727	24.538.033.252
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>5.342.493.277</b>	<b>5.358.420.725</b>
11. Thu nhập khác	31	<b>24</b>	475.908.768	206.693.731
12. Chi phí khác	32	<b>25</b>	142.734	151.038.767
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>475.766.034</b>	<b>55.654.964</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.818.259.311</b>	<b>5.414.075.689</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	<b>26</b>	1.190.729.504	1.120.244.604
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>4.627.529.807</b>	<b>4.293.831.085</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	<b>28</b>	2.001	1.500

Người lập biểu



Đinh Xuân Vũ

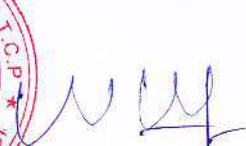
Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Giám đốc

Lê Tự Cường

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2019

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>5.818.259.311</b>	<b>5.414.075.689</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	<b>10, 11</b>	13.369.109.429	10.602.705.782
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		136.208	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		25.051.223	(161.456.261)
- Chi phí lãi vay	06	<b>22</b>	4.118.762.933	2.362.726.543
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>23.331.319.104</b>	<b>18.218.051.753</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.313.958.659	4.405.872.753
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.243.624.868)	(3.915.211.008)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.623.803.899)	2.354.303.225
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		20.013.158	(5.945.018.838)
- Tiền lãi vay đã trả	14	<b>22</b>	(4.118.762.933)	(1.023.041.720)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	<b>14</b>	(858.819.549)	(1.164.279.409)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.368.679.571
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.162.670.000)	(3.734.121.290)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.657.609.672</b>	<b>11.565.235.037</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	<b>11</b>	(16.354.987.456)	(25.603.610.510)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	<b>24</b>	938.629.142	150.909.090
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	<b>21</b>	8.735.964	10.547.171
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(15.407.622.350)</b>	<b>(25.442.154.249)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	<b>17a</b>	13.136.860.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		52.356.957.228	83.064.718.817
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(52.627.217.531)	(73.465.855.618)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.252.004.875)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>9.614.594.822</b>	<b>9.598.863.199</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.864.582.144</b>	<b>(4.278.056.013)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>5.317.770.822</b>	<b>9.595.826.835</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(136.208)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>10.182.216.758</b>	<b>5.317.770.822</b>

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2019.

Người lập biểu



Đinh Xuân Vũ

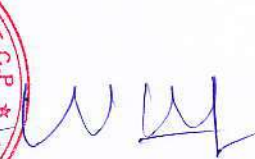
Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Giám đốc

Lê Tự Cường

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, trụ sở đặt tại Km 17, Quốc lộ 6, Đông Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ-BTM ngày 03/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500387891 ngày 14/11/2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 13 ngày 08/01/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 35.031.640.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh:** thương mại và dịch vụ.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Bán buôn xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu, vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** trong vòng 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:**

<b>Đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh</b>
<b>A Các đơn vị trực thuộc hạch toán riêng (xác định KQKD riêng với Công ty)</b>		
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình	Xã Lâm Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình	Mua, bán xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu

**1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp:** các thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí nội bộ.

**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 Chuyển đổi ngoại tệ**

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Số dư tiền gửi có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang chi phí tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Công ty chưa thực hiện đánh giá lại khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 31/12/2019 là 23.107 VND/USD (Ngân hàng TMCP Quân đội).

**4.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu về bảo hiểm; ký cược, ký quỹ và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và không đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

**4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Công ty tính khấu hao theo sản lượng đối với các xe mua bằng tiền vay từ cán bộ công nhân viên. Mức khấu hao được tính bằng 220đ/m<sup>3</sup>/km nhân (x) với sản lượng hàng tháng của từng xe.

Đối với một số tài sản vừa sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh vừa để cho thuê, Công ty chưa tách riêng phần cho thuê để trình bày ở chỉ tiêu bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

**4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình bao gồm: phần mềm tự động hóa, phần mềm quản lý và quyền sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02432QSD/HT ngày 21/7/2004 với diện tích 6.657,7 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất là 30 năm (từ 12/9/2002 đến 12/9/2032) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02433QSD/HT ngày 21/7/2004 với diện tích 9.819,72 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất là 50 năm (từ 31/12/2003 đến 31/12/2053) tại Xã Đồng Mai, Huyện Thanh Oai, Quận Hà Đông, Hà Nội;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00009 ngày 30/6/2004 với diện tích 1.035 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất là 30 năm (từ 30/6/2004 đến 30/6/2034) tại Xã Tân Dân, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT00018 ngày 10/02/2010 với diện tích 1.491,2 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất từ 10/02/2010 đến 10/3/2060 tại Xóm 2, Xã Sủ Ngòi, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ092066 ngày 19/10/2009 với diện tích 3.361 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất từ 19/10/2009 đến 30/11/2059 tại Xóm Bàn, Xã Tây Phong, Huyện Cao Phong, Tỉnh Hòa Bình;
- Phần mềm tự động hoá và phần mềm quản lý các cửa hàng xăng dầu đã được khấu hao hết và còn sử dụng.

**4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng để phục vụ cho mục đích kinh doanh và quản lý. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí bảo hiểm các loại, chi phí thuê địa điểm, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán:

- Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải, hàng hóa, con người được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo số kỳ được bảo hiểm.
- Chi phí thuê địa điểm được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 24 tháng kể từ khi phát sinh.
- Chi phí sửa chữa tài sản, chi phí trả trước khác bao gồm chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu, phí gửi xe təc... được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

**4.10 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: cổ tức phải trả, tiền đặt cọc của lái xe, tiền vay vốn mua xe, nhận ký cược ký quỹ và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

**4.11 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ược vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**4.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung.

Trong năm, Công ty tăng vốn và phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 65/2019/NQ-ĐHCD ngày 10/4/2019. Ngày 14/10/2019, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 104/GCN-UBCK.

**4.14 Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động:***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.15 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã bán và cung cấp trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

**4.16 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và lãi mua hàng chậm trả, cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo;
- Lãi mua hàng chậm trả là khoản lãi phát sinh do mua hàng chậm thanh toán với Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (PTC) được ghi nhận theo thông báo lãi hàng quý.

**4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao, cước vận chuyển hàng và các chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị...).

**4.18 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

**4.19 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.20 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 13, 17, 19, 31.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**5. TIỀN**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	43.256.994	1.526.726.955
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.138.959.764	3.791.043.867
<b>Cộng</b>	<b>10.182.216.758</b>	<b>5.317.770.822</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.803.934.678</b>	<b>11.408.140.030</b>
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	8.502.946.423	6.463.240.888
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào</i>	<i>5.793.197.947</i>	<i>4.311.275.912</i>
<i>Công ty Xăng dầu Điện Biên</i>	<i>2.709.748.476</i>	<i>2.151.964.976</i>
Các khoản phải thu của khách hàng khác	4.300.988.255	4.944.899.142
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	9.407.588.686	7.464.126.503
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào</i>	<i>5.793.197.947</i>	<i>4.311.275.912</i>
<i>Công ty Xăng dầu Điện Biên</i>	<i>2.709.748.476</i>	<i>2.151.964.976</i>
<i>Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh</i>	<i>793.092.901</i>	<i>942.249.209</i>
<i>Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex</i>	-	<i>5.500.000</i>
<i>Công ty Xăng dầu Lào Cai</i>	-	<i>50.393.950</i>
<i>Công ty Xăng dầu Thái Bình</i>	-	<i>2.742.456</i>
<i>Công ty Xăng dầu Bắc Thái</i>	<i>111.549.362</i>	-

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>7.1 Ngắn hạn</b>	<b>249.575.332</b>	-	<b>2.301.070.860</b>	-
Tạm ứng	-	-	2.142.998.400	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	4.755.041	-	-	-
Phải thu khác	244.820.291	-	158.072.460	-
<b>7.2 Dài hạn</b>	<b>39.190.000</b>	-	<b>53.974.000</b>	-
Kỳ cược, ký quỹ	39.190.000	-	53.974.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	423.872.074	-	249.573.574	-
Công cụ, dụng cụ	187.319.000	-	224.631.727	-
Hàng hóa	11.484.270.917	-	9.377.631.822	-
<b>Cộng</b>	<b>12.095.461.991</b>	<b>-</b>	<b>9.851.837.123</b>	<b>-</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>9.1 Ngắn hạn</b>	<b>1.286.668.459</b>	<b>2.249.084.066</b>
Chi phí bảo hiểm	1.263.616.335	1.507.585.368
Chi phí đồng phục, bảo hộ lao động	-	608.284.416
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	38.880.948
Chi phí thuê mặt bằng	-	59.333.334
Chi phí khác	23.052.124	35.000.000
<b>9.2 Dài hạn</b>	<b>9.846.210.751</b>	<b>8.903.808.302</b>
Chi phí thuê cửa hàng	7.528.666.356	7.107.195.146
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.928.635.167	896.082.667
Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác	388.909.228	900.530.489

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	1.744.485.537	127.500.000	1.871.985.537
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.744.485.537	127.500.000	1.871.985.537
Số đầu năm	366.073.501	127.500.000	493.573.501
Tăng trong năm	35.342.740	-	35.342.740
Khấu hao trong năm	35.342.740	-	35.342.740
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	401.416.241	127.500.000	528.916.241
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	1.378.412.036	-	1.378.412.036
Số cuối năm	1.343.069.296	-	1.343.069.296

Đơn vị tính: VND  
Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 và tại ngày 31/12/2018 là 127.500.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	13.301.349.966	5.009.656.959	118.906.143.629	327.661.364	137.544.811.918	
Tăng trong năm	-	503.800.000	15.851.187.456	-	16.354.987.456	
Mua sắm	-	503.800.000	15.851.187.456	-	16.354.987.456	
Giảm trong năm	123.933.600	62.000.000	5.631.639.321	-	5.817.572.921	
Thanh lý, nhượng bán	-	62.000.000	5.631.639.321	-	5.693.639.321	
Giảm khác (*)	123.933.600	-	-	-	123.933.600	
Số cuối năm	13.177.416.366	5.451.456.959	129.125.691.764	327.661.364	148.082.226.453	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số đầu năm	10.783.271.446	3.218.522.288	50.015.414.898	295.868.946	64.313.077.578	
Tăng trong năm	550.445.066	402.214.611	12.352.154.741	28.952.271	13.333.766.689	
Khấu hao trong năm	550.445.066	402.214.611	12.352.154.741	28.952.271	13.333.766.689	
Giảm trong năm	123.933.600	38.233.333	5.163.049.250	-	5.325.216.183	
Thanh lý, nhượng bán	-	38.233.333	5.163.049.250	-	5.201.282.583	
Giảm khác (*)	123.933.600	-	-	-	123.933.600	
Số cuối năm	11.209.782.912	3.582.503.566	57.204.520.389	324.821.217	72.321.628.084	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số đầu năm	2.518.078.520	1.791.134.671	68.890.728.731	31.792.418	73.231.734.340	
Số cuối năm	1.967.633.454	1.868.953.393	71.921.171.375	2.840.147	75.760.598.369	

(\*) : là xóa sổ tài sản cố định do Công ty không còn sử dụng.

Công ty đã thể chấp các tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 36.263.569.056 VND (tại ngày 31/12/2018 là 30.612.579.389 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 24.476.558.213 VND (tại ngày 31/12/2018 là 26.597.146.173 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2019 VND
<b>Số đầu năm</b>	<b>890.059.591</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>16.354.987.456</b>
Mua sắm	16.354.987.456
<b>Giảm trong năm</b>	<b>16.835.047.047</b>
Kết chuyển sang tài sản cố định	16.354.987.456
Kết chuyển sang chi phí hoạt động kinh doanh	480.059.591
<b>Số cuối năm (*)</b>	<b>410.000.000</b>

(\*) Chi tiết:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Cửa hàng Xăng dầu Tân Hòa, Quốc Oai	-	410.454.545
Cửa hàng Xăng dầu Đại Đồng, Thạch Thất	410.000.000	410.000.000
Cửa hàng Xăng dầu Huy Xá, Mỹ Đức	-	69.605.046
<b>Cộng</b>	<b>410.000.000</b>	<b>890.059.591</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2019 VND		01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.226.690.109</b>	<b>15.226.690.109</b>	<b>13.042.992.551</b>	<b>13.042.992.551</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	14.000.294.075	14.000.294.075	12.203.684.084	12.203.684.084
<i>Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>14.000.294.075</i>	<i>14.000.294.075</i>	<i>12.203.684.084</i>	<i>12.203.684.084</i>
Các khoản phải trả đối tượng khác	1.226.396.034	1.226.396.034	839.308.467	839.308.467
Phải trả người bán là các bên liên quan	14.670.576.839	14.670.576.839	12.554.681.718	12.554.681.718
<i>Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>14.000.294.075</i>	<i>14.000.294.075</i>	<i>12.203.684.084</i>	<i>12.203.684.084</i>
<i>Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP</i>	<i>479.712.880</i>	<i>479.712.880</i>	<i>81.740.366</i>	<i>81.740.366</i>
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>26.489.920</i>	<i>26.489.920</i>
<i>Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh</i>	<i>37.903.320</i>	<i>37.903.320</i>	<i>199.818.000</i>	<i>199.818.000</i>
<i>Công ty TNHH Hóa chất PTN</i>	<i>67.501.764</i>	<i>67.501.764</i>	<i>42.949.348</i>	<i>42.949.348</i>
<i>Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex</i>	<i>85.164.800</i>	<i>85.164.800</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	76.329.209	4.491.178.433	4.468.531.927	98.975.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp	262.819.547	1.190.729.504	858.819.549	594.729.502
Thuế thu nhập cá nhân	48.176.267	421.240.113	390.647.658	78.768.722
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	247.873.394	247.873.394	-
Thuế, phí, lệ phí	-	128.803.985	128.803.985	-
<b>Cộng</b>	<b><u>387.325.023</u></b>	<b><u>6.479.825.429</u></b>	<b><u>6.094.676.513</u></b>	<b><u>772.473.939</u></b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>15.1 Ngắn hạn</b>	<b>143.681.698</b>	<b>166.979.492</b>
Kinh phí công đoàn	-	86.515.638
Cổ tức phải trả	48.858.975	16.646.850
Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.462.723	63.817.004
Nhận ký quỹ, ký cược	56.360.000	-
<b>15.2 Dài hạn</b>	<b>25.395.565.741</b>	<b>31.782.426.116</b>
Tiền đặt cọc của lái xe (1)	23.983.608.311	13.719.352.804
Tiền vay vốn mua xe (2)	1.411.957.430	18.063.073.312

(1): là khoản đặt cọc của lái xe để được quản lý và khai thác các xe ô tô dùng vận chuyển xăng dầu, gồm cả tiền lãi Công ty phải trả theo lãi suất huy động của Ngân hàng Nhà nước.

(2): là khoản vay các cá nhân với giá trị bằng (=) giá trị còn lại theo sổ sách của xe ô tô dùng vận chuyển xăng dầu tại thời điểm ký kết hợp đồng.

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>16.1 Ngắn hạn</b>	<b>24.875.489.786</b>	<b>20.425.742.089</b>
Các khoản vay	24.875.489.786	20.425.742.089
<b>16.2 Dài hạn</b>	<b>5.899.990.000</b>	<b>10.619.998.000</b>
Các khoản vay	5.899.990.000	10.619.998.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

MÃ SỐ B09 - DN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	VND
<b>a. Các khoản vay</b>					
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>20.425.742.089</b>	<b>20.425.742.089</b>	<b>54.716.961.228</b>	<b>50.267.213.531</b>	<b>24.875.489.786</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở Giao dịch Đồng Đa Hà Nội	10.000.000.000	10.000.000.000	14.900.000.000	24.900.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Hoàn Kiếm (1)	-	-	30.000.000.000	20.000.000.000	10.000.000.000
Cá nhân (2)	10.425.742.089	10.425.742.089	7.456.957.228	5.367.213.531	12.515.485.786
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội (3) - vay dài hạn đến hạn trả	-	-	2.360.004.000	-	2.360.004.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>10.619.998.000</b>	<b>10.619.998.000</b>	<b>-</b>	<b>4.720.008.000</b>	<b>5.899.990.000</b>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội (3)	10.619.998.000	10.619.998.000	-	4.720.008.000	5.899.990.000
<b>Cộng</b>	<b>31.045.740.089</b>	<b>31.045.740.089</b>	<b>54.716.961.228</b>	<b>54.987.221.531</b>	<b>30.775.479.786</b>

(1) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng được rút bằng VND, chịu lãi suất 7,6%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

(2) Khoản vay cá nhân với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 0,583%/tháng, không có tài sản đảm bảo. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**(3) Hợp đồng tín dụng số 106.0801/2018/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 25/6/2018:**

Số tiền vay	: 11.800.000.000 VND
Mục đích vay	: Thanh toán tiền mua 32 xe ô tô xitec cho Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô số 03/PTC-PTSHT ngày 30/4/2018
Lãi suất vay	: Bảng lãi suất được quy định tại Hợp đồng tiền gửi số 20-07/05/2018/HTGCK-PGBHN ngày 07/5/2018 trị giá 44.400.000.000 VND, biên độ 1,2%/năm
Thời hạn vay	: 60 tháng
Tài sản đảm bảo	: Tài sản 1 (tài sản đảm bảo bổ sung): 32 xe ô tô xitec hình thành từ vốn vay thuộc sở hữu của bên vay vốn theo Hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô số 03/PTC-PTSHT ngày 30/4/2018 ký giữa bên chuyển nhượng là Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex và bên nhận chuyển nhượng là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, tổng giá trị hợp đồng là 14.399.002.750 VND Tài sản 2 (tài sản đảm bảo chính): Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 20-07/05/2018/HTGCK-PGBHN ngày 07/5/2018, trị giá 44.400.000.000 VND
Lãi suất quá hạn	: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn
Thời hạn trả lãi vay	: Định kỳ vào ngày 26 hàng tháng
Số dư vay tại 31/12/2019	: 8.259.994.000 VND
Số phải trả trong năm 2020	: 2.360.004.000 VND

**b. Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:**

	Đơn vị tính: VND			
	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
<b>Tại 31/12/2019</b>				
Các khoản vay	8.259.994.000	2.360.004.000	5.899.990.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội</i>	<i>8.259.994.000</i>	<i>2.360.004.000</i>	<i>5.899.990.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>8.259.994.000</b>	<b>2.360.004.000</b>	<b>5.899.990.000</b>	<b>-</b>
<b>Tại 01/01/2019</b>				
Các khoản vay	10.619.998.000	2.360.004.000	8.259.994.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội</i>	<i>10.619.998.000</i>	<i>2.360.004.000</i>	<i>8.259.994.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>10.619.998.000</b>	<b>2.360.004.000</b>	<b>8.259.994.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>18.399.750.000</b>	<b>1.051.082.000</b>	<b>10.465.846.218</b>	<b>4.303.894.926</b>	<b>34.220.573.144</b>
<b>Tăng trong năm trước</b>	<b>3.495.030.000</b>	-	-	<b>4.293.831.085</b>	<b>7.788.861.085</b>
Tăng vốn	3.495.030.000	-	-	-	3.495.030.000
Lãi trong năm	-	-	-	4.293.831.085	4.293.831.085
<b>Giảm trong năm trước</b>	-	-	-	<b>4.302.724.926</b>	<b>4.302.724.926</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.302.724.926	4.302.724.926
<b>Số đầu năm nay</b>	<b>21.894.780.000</b>	<b>1.051.082.000</b>	<b>10.465.846.218</b>	<b>4.295.001.085</b>	<b>37.706.709.303</b>
<b>Tăng trong năm nay</b>	<b>13.136.860.000</b>	-	-	<b>4.627.529.807</b>	<b>17.764.389.807</b>
Tăng vốn	13.136.860.000	-	-	-	13.136.860.000
Lãi trong năm	-	-	-	4.627.529.807	4.627.529.807
<b>Giảm trong năm nay</b>	-	-	-	<b>4.293.831.085</b>	<b>4.293.831.085</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.293.831.085	4.293.831.085
<b>Số cuối năm nay</b>	<b>35.031.640.000</b>	<b>1.051.082.000</b>	<b>10.465.846.218</b>	<b>4.628.699.807</b>	<b>51.177.268.025</b>

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	17.867.130.000	17.867.130.000	11.166.960.000	11.166.960.000
Các cổ đông khác	17.164.510.000	17.164.510.000	10.727.820.000	10.727.820.000
<b>Cộng</b>	<b>35.031.640.000</b>	<b>35.031.640.000</b>	<b>21.894.780.000</b>	<b>21.894.780.000</b>

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

**a. Vốn góp của chủ sở hữu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Số đầu năm</b>	<b>21.894.780.000</b>	<b>18.399.750.000</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>13.136.860.000</b>	<b>3.495.030.000</b>
Tăng bằng tiền	13.136.860.000	-
Tăng do trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	3.495.030.000
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>35.031.640.000</b>	<b>21.894.780.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

<b>b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Năm 2019 VND</b>	<b>Năm 2018 VND</b>
<b>Số đầu năm</b>	<b>4.295.001.085</b>	<b>4.303.894.926</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>4.627.529.807</b>	<b>4.293.831.085</b>
Lãi trong năm	4.627.529.807	4.293.831.085
<b>Giảm trong năm</b>	<b>4.293.831.085</b>	<b>4.302.724.926</b>
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.293.831.085	4.302.724.926
<i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	<i>3.284.217.000</i>	-
<i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</i>	-	<i>3.495.030.000</i>
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>1.009.614.085</i>	<i>807.694.926</i>
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.628.699.807</b>	<b>4.295.001.085</b>
<b>c. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2019 Cổ phiếu</b>	<b>01/01/2019 Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.503.164	2.189.478
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.503.164	2.189.478
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.503.164</i>	<i>2.189.478</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.503.164	2.189.478
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.503.164</i>	<i>2.189.478</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

<b><u>Ngoại tệ các loại</u></b>	<b><u>31/12/2019</u></b>	<b><u>01/01/2019</u></b>
Đô la Mỹ (USD)	175,27	476,00

**19. DOANH THU**

	<b>Năm 2019 VND</b>	<b>Năm 2018 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>625.860.006.390</b>	<b>924.855.730.365</b>
Doanh thu bán xăng dầu chính	513.856.527.339	812.703.906.999
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	5.268.070.408	6.301.673.497
Doanh thu bán hàng hóa khác	1.366.234.454	5.855.606.261
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	104.019.017.820	98.507.048.412
Doanh thu dịch vụ khác	1.350.156.369	1.487.495.196
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>625.860.006.390</b>	<b>924.855.730.365</b>
<b><i>Trong đó:</i></b>		
Doanh thu đối với các bên liên quan	101.895.940.414	96.419.361.118
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào</i>	<i>6.584.469.306</i>	<i>8.644.920.100</i>
<i>Công ty Xăng dầu Điện Biên</i>	<i>23.095.981.099</i>	<i>18.817.448.550</i>
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i>	<i>130.909.091</i>	<i>130.909.091</i>
<i>Công ty Xăng dầu Thái Bình</i>	<i>50.486.924</i>	<i>23.192.219</i>
<i>Công ty Xăng dầu Bắc Thái</i>	<i>942.082.428</i>	<i>5.598.934</i>
<i>Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình</i>	<i>56.587.496.922</i>	<i>59.290.650.077</i>
<i>Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh</i>	<i>14.504.514.644</i>	<i>9.506.642.147</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của xăng dầu chính đã bán	484.372.683.855	781.592.411.202
Giá vốn của dầu mỡ nhờn đã bán	4.811.043.620	5.859.422.384
Giá vốn của hàng hóa khác đã bán	1.255.068.647	5.760.387.906
Giá vốn của dịch vụ vận tải đường bộ	78.400.053.522	76.607.454.428
Giá vốn của dịch vụ khác	399.581.867	628.535.333
<b>Cộng</b>	<b>569.238.431.511</b>	<b>870.448.211.253</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	8.735.964	10.547.171
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.896.048	60.407.252
<b>Cộng</b>	<b>17.632.012</b>	<b>70.954.423</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	4.118.762.933	2.362.726.543
Lãi mua hàng trả chậm	547.138.233	765.382.819
Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.135.539	13.559.493
<b>Cộng</b>	<b>4.695.036.705</b>	<b>3.141.668.855</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>23.1 Chi phí bán hàng</b>	<b>21.071.188.182</b>	<b>21.440.350.703</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	10.399.487.502	11.036.785.243
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>10.399.487.502</i>	<i>11.036.785.243</i>
Các khoản chi phí bán hàng khác	10.671.700.680	10.403.565.460
<b>23.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25.530.488.727</b>	<b>24.538.033.252</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	10.872.396.095	10.826.735.978
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>10.872.396.095</i>	<i>10.826.735.978</i>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.658.092.632	13.711.297.274

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	956.810.960	150.909.090
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	(492.356.738)	-
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(18.181.818)	-
Các khoản khác	29.636.364	55.784.641
<b>Cộng</b>	<b>475.908.768</b>	<b>206.693.731</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản bị phạt	142.734	94.926.067
Các khoản khác	-	56.112.700
<b>Cộng</b>	<b>142.734</b>	<b>151.038.767</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán (1)</b>	<b>5.818.259.311</b>	<b>5.414.075.689</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</b>	<b>135.388.208</b>	<b>187.147.327</b>
Thu nhập của HĐQT không tham gia điều hành trực tiếp	135.252.000	73.760.000
Phạt vi phạm theo biên bản thanh tra	-	113.387.327
Lỗi CLTG đánh giá lại của tiền	136.208	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</b>	<b>-</b>	<b>937.125.272</b>
Chi phí sửa chữa tài sản cố định năm 2017 chuyển sang	-	937.125.272
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)</b>	<b>5.953.647.519</b>	<b>4.664.097.744</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (6)=(4)*(5)	1.190.729.504	932.819.549
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (7)	-	187.425.055
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (8)=(6)+(7)</b>	<b>1.190.729.504</b>	<b>1.120.244.604</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.580.548.610	39.597.245.365
Chi phí nhân công	36.279.378.369	36.535.068.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.369.109.429	10.602.705.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.375.237.275	3.215.565.290
Chi phí bằng tiền khác	33.797.038.615	33.263.788.447
<b>Cộng</b>	<b>125.401.312.298</b>	<b>123.214.373.716</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	<u>Năm 2019 VND</u>	<u>Năm 2018 VND</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	4.627.529.807	4.293.831.085
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b)</i>	-	1.009.614.085
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)</b>	<b>4.627.529.807</b>	<b>3.284.217.000</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	2.312.543	2.189.478
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)</b>	<b>2.001</b>	<b>1.500</b>

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2018 là trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 65/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2019.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**29. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ngày 08/01/2020, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp về việc thay đổi vốn điều lệ. Theo đó: vốn điều lệ là 35.031.640.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2019 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.19.

	<u>Giá trị ghi số 31/12/2019 VND</u>	<u>Giá trị ghi số 01/01/2019 VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	10.182.216.758	5.317.770.822
Phải thu của khách hàng	12.803.934.678	11.408.140.030
Phải thu khác	284.010.291	210.810.294
<b>Cộng</b>	<b>23.270.161.727</b>	<b>16.936.721.146</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

	<b>Giá trị ghi số 31/12/2019 VND</b>	<b>Giá trị ghi số 01/01/2019 VND</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	15.226.690.109	13.042.992.551
Phải trả khác	25.500.784.716	31.799.072.966
Vay và nợ thuê tài chính	30.775.479.786	31.045.740.089
<b>Cộng</b>	<b>71.502.954.611</b>	<b>75.887.805.606</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty không phải chịu rủi ro tiền tệ vì phần lớn các giao dịch bằng VND.

- *Rủi ro lãi suất*

Lãi suất của các khoản vay thay đổi theo biến động lãi suất của ngân hàng tại từng thời kỳ. Do vậy, Công ty phải chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và phải thu khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá. Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

• **Rủi ro thanh khoản**

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<b>Đến 1 năm VND</b>	<b>Trên 1 năm VND</b>
<b>Tại 31/12/2019</b>		
Phải trả người bán	15.226.690.109	-
Phải trả khác	25.500.784.716	-
Vay và nợ thuê tài chính	24.875.489.786	5.899.990.000
<b>Cộng</b>	<b>65.602.964.611</b>	<b>5.899.990.000</b>
<b>Tại 01/01/2019</b>		
Phải trả người bán	13.042.992.551	-
Phải trả khác	31.799.072.966	-
Vay và nợ thuê tài chính	20.425.742.089	10.619.998.000
<b>Cộng</b>	<b>65.267.807.606</b>	<b>10.619.998.000</b>

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**31. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

<b>Giao dịch với bên liên quan</b>	<b>Năm 2019 VND</b>	<b>Năm 2018 VND</b>
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	560.607.350.387	879.037.062.810
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	1.907.743.090	2.567.445.580
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	4.233.540.839	3.389.459.494
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	471.184.032	518.525.065
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	244.835.709	694.212.979
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	4.729.985.620	3.132.399.710
Công ty TNHH hóa chất PTN	332.471.977	237.767.158
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	85.164.800	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Giao dịch với bên liên quan	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Lãi mua hàng chậm trả</b>		
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	547.138.233	765.382.819
<b>Vay ông Nguyễn Tiến Cường (TVHĐQT, PGĐ)</b>		
Lãi vay nhập gốc	20.398.200	
Trà gốc vay	787.881.395	
<b>Cổ tức đã trả (*)</b>		
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	1.675.044.000	1.782.465.300

(\*) Năm 2018 được thanh toán bằng cổ phiếu, năm 2019 được thanh toán bằng tiền.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	135.252.000	73.760.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.594.132.800	2.185.520.000

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: bộ phận vận tải, bộ phận kinh doanh xăng dầu và bộ phận khác.

Hoạt động chủ yếu của 03 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận vận tải: cung cấp dịch vụ vận tải xăng dầu đường bộ.
- Bộ phận kinh doanh xăng dầu: kinh doanh xăng dầu chính.
- Bộ phận khác: bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại 31/12/2019**

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Tài sản</b>				
Tài sản cố định	71.592.628.290	4.786.345.215	724.694.160	77.103.667.665
Xây dựng cơ bản	-	410.000.000	-	410.000.000
Các khoản phải thu	9.600.330.894	2.997.028.127	654.508.417	13.251.867.438
Hàng tồn kho	611.191.074	9.578.781.830	1.905.489.087	12.095.461.991
Tài sản không phân bổ				21.333.703.155
<b>Cộng</b>				<b>124.194.700.249</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Các khoản phải trả	25.433.469.061	15.042.051.903	708.779.834	41.184.300.798
Các khoản vay	8.259.994.000	22.515.485.786	-	30.775.479.786
Nợ phải trả không phân bổ				1.057.651.640
<b>Cộng</b>				<b>73.017.432.224</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2019**

Đơn vị tính: VND

	Vận tài	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	104.019.017.820	513.856.527.339	7.984.461.231	625.860.006.390
Giá vốn hàng bán	78.400.053.522	484.372.683.855	6.465.694.134	569.238.431.511
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	20.235.063.814	25.190.771.903	1.175.841.192	46.601.676.909
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	17.632.012	17.632.012
Chi phí tài chính	2.532.724.040	2.116.152.557	46.160.108	4.695.036.705
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.851.176.444	2.176.919.024	314.397.809	5.342.493.277
Lãi (lỗ) khác				475.766.034
Lợi nhuận trước thuế				5.818.259.311
Chi phí thuế TNDN				1.190.729.504
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>4.627.529.807</b>

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại 31/12/2018**

Đơn vị tính: VND

	Vận tài	Kinh doanh hàng hóa	Khác	Cộng
<b>Tài sản</b>				
Tài sản cố định	69.805.739.901	4.620.322.786	184.083.689	74.610.146.376
XDCB dở dang	-	890.059.591	-	890.059.591
Các khoản phải thu	9.709.303.413	3.808.539.926	524.174.737	14.042.018.076
Hàng tồn kho	474.205.301	6.974.687.737	2.402.944.085	9.851.837.123
Tài sản không phân bổ				17.013.078.398
<b>Cộng</b>				<b>116.407.139.564</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Các khoản phải trả	31.982.244.116	14.184.099.156	639.490.467	46.805.833.739
Các khoản vay	10.619.998.000	20.425.742.089	-	31.045.740.089
Nợ phải trả không phân bổ				848.856.433
<b>Cộng</b>				<b>78.700.430.261</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2018**

Đơn vị tính: VND

	Vận tài	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	98.507.048.412	812.703.906.999	13.644.774.954	924.855.730.365
Giá vốn hàng bán	76.607.454.428	781.592.411.202	12.248.345.623	870.448.211.253
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	18.234.188.940	26.658.758.859	1.085.436.156	45.978.383.955
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	70.954.423	70.954.423
Chi phí tài chính	1.267.326.418	1.860.782.944	13.559.493	3.141.668.855
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.398.078.626	2.591.953.994	368.388.105	5.358.420.725
Lãi (lỗ) khác				55.654.964
Lợi nhuận trước thuế				5.414.075.689
Chi phí thuế TNDN				1.120.244.604
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>4.293.831.085</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

**Người lập biểu**



**Đinh Xuân Vũ**

**Kế toán trưởng**



**Ngô Thị Vui**

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

**Giám đốc**



**Lê Tự Cường**